



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2022**

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Hà Nội, tháng 4 năm 2023



MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	3
1. Thông tin chung	3
2. Ngành, nghề và địa bàn kinh doanh	7
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	8
4. Định hướng phát triển	12
5. Các rủi ro.....	15
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	18
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	18
2. Tổ chức và nhân sự	19
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	22
4. Tình hình tài chính Công ty mẹ.....	26
5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm.....	27
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty.....	28
PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	32
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	32
2. Tình hình tài chính	33
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	33
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	33
4.1. Công tác chỉ đạo điều hành	34
4.2. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động.....	35
4.3. Công tác thị trường.....	35
4.4. Công tác quản lý tài chính.....	36
4.5. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động.....	37

4.6. Công tác đầu tư.....	37
4.7. Công tác phát triển nguồn nhân lực.....	37
4.8. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty.....	37
4.9. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp.....	37
4.10. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng.....	38
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty.....	38
PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY.....	40
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty.....	40
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty.....	43
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT.....	47
PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022	50



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thông tin chung

- Tên Công ty/ Tên giao dịch : **TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM – CTCP**
- Tên Tiếng Anh : Vietnam Machinery Installation Corporation – JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06/04/2016.
- Vốn điều lệ : 797.261.040.000 đồng
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 797.261.040.000 đồng
- Địa chỉ : Số 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại : 024 38637747
- Website : <http://www.lilama.com.vn/>
- Mã cổ phiếu : LLM

Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng công ty lắp máy Việt Nam - CTCP (gọi tắt là LILAMA) trước đây là doanh nghiệp do Bộ Xây dựng sở hữu 100% vốn điều lệ; hoạt động trong các lĩnh vực xây lắp, gia công, chế tạo thiết bị cho các công trình công nghiệp và dân dụng với đội ngũ cán bộ, kỹ sư có trình độ khoa học kỹ thuật cao, công nhân lành nghề và phương tiện, máy móc thi công chuyên ngành tiên tiến.

❖ Giai đoạn 1960 - 1975:

Ngày 01/12/1960, Công ty Lắp máy được ra đời. Từ những bước chập chững đầu tiên, người thợ lắp máy đã tham gia lắp đặt thành công nhiều công trình công nghiệp, dân dụng và quốc phòng quan trọng như: Thủy điện Thác Bà, Cao Bằng, nhiệt điện Hàm Rồng, Lào Cai, Việt Trì, Ninh Bình, Uông Bí, khu công nghiệp Việt Trì, nhà máy phân đạm Hà Bắc, nhà máy đường Vạn Điểm 2, nhà máy Suppe phốt phát Lâm Thao, nhà máy cơ khí Cẩm Phá, nhà máy Dệt 8/3, nhà máy xi măng Hải Phòng mở rộng...

Năm 1960, Công ty đã vinh dự nhận cờ thi đua của Hồ Chủ tịch, nhiều lần được Chủ tịch nước tặng lẵng hoa, Chính phủ tặng cờ thi đua, bằng khen...

❖ Giai đoạn 1976 - 1995:

Ngày 11/10/1979, Công ty Lắp máy chuyển sang hoạt động theo mô hình Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy.

Từ năm 1993 khi đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng vọt, nhiều công trình có vốn đầu tư nước ngoài được triển khai đầu tư xây dựng. Những người thợ Lắp máy lại tiếp tục thực hiện, hoàn thành bàn giao nhiều công trình đúng, vượt tiến độ với chất lượng cao như công trình: Chân đế giàn khoan Dầu khí, nhà máy Giấy Bãi Bằng, nhà máy Giấy Tân Mai, lắp các trạm biến áp, trạm bù, gia công trên 3000 tấn cột điện thuộc hệ thống đường dây tải điện 500 KV Bắc Nam và hàng ngàn tấn cột phát sóng truyền hình Viba trong cả nước, gia công, chế tạo và lắp đặt thiết bị cho nhà máy bột ngọt VEDAN, nhà máy Xi măng Chinfon, Hải Phòng, thủy điện Trị An, Thác Mơ, Yaly đạt yêu cầu; tham gia thi công nhiều công trình có quy mô lớn ở nước ngoài như trường đại học Oran ở Angiêri, nhà máy nhiệt điện ở Bungari, Liên bang Nga và các công trình ở I rắc, Libi... Đặc biệt chế tạo được các loại bình, bồn, bể chứa khí gas, chứa dầu đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế cho các dự án như Shell Gas Hải Phòng, Sài Gòn Petro, Petro Việt Nam...

Ngày 01/12/1995, ngành Lắp máy Việt Nam lại một lần nữa chuyển đổi mô hình hoạt động từ Liên hiệp các xí nghiệp Lắp máy thành Tổng công ty lắp máy Việt Nam. Đây là bước ngoặt, đánh dấu sự thay đổi to lớn về chất cho các doanh nghiệp nhà nước nói chung và Tổng công ty lắp máy Việt Nam nói riêng.

Những đóng góp của LILAMA đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận, tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- + 1 Huân chương Chiến công
- + 5 Huân chương Độc lập hạng Ba
- + 2 Huân chương Độc lập hạng Nhì
- + 3 Huân chương Độc lập hạng Nhất

❖ Giai đoạn 1996 - 2000:

Ban Lãnh đạo LILAMA đã xây dựng "*Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2010*", chia làm ba giai đoạn theo đúng định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đây là chiến lược phát

triển đúng đắn, táo bạo, khoa học, phù hợp với thực tiễn phát triển của Tổng công ty và đất nước.

Công tác chế tạo và lắp đặt thiết bị được áp dụng theo công nghệ hiện đại với những thiết bị thi công tiên tiến mang lại thành công to lớn cho ngành Lắp máy. Chất lượng sản phẩm được nâng cao, thời gian thi công được rút ngắn ví dụ như: nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1 công suất 440MW trước đây lắp đặt trong 8 năm, nay nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2 có công suất gần gấp 1,5 lần thời gian thi công dưới 2 năm, nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ 1 thuộc tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu có công suất 1.080MW chi thi công trong gần 2 năm. Tiến độ thi công các công trình được thực hiện nhanh chóng nhưng vẫn thỏa mãn các yêu cầu khắt khe về chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Trải qua quá trình phấn đấu, phát triển không ngừng, thành tích của Tổng công ty được Đảng, Nhà nước ghi nhận và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh vào năm 2000.

❖ **Giai đoạn 2001 - 2005:**

Đây là giai đoạn quyết định của LILAMA trong vai trò Tổng thầu EPC. Tổng công ty lắp máy Việt Nam được giao là Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Uông Bí mở rộng công suất 300MW với vốn đầu tư gần 300 triệu USD. Sự kiện này đã đưa LILAMA từ vai trò làm thầu phụ thực hiện phần việc "C", nay trở thành nhà thầu chính. LILAMA đảm nhận toàn bộ cả phần "E" và "P", tức cả tư vấn thiết kế và cung cấp vật tư, thiết bị đối với công trình; dự án nhiệt điện Cà Mau 1 công suất 750MW với giá trị 360 triệu USD.

Năm 2005, LILAMA kỷ niệm 45 năm thành lập với dấu ấn đặc biệt quan trọng. Tại dự án Trung tâm Hội nghị Quốc gia - công trình được thực hiện theo tiêu chuẩn Châu Âu được xây dựng tại Việt Nam, LILAMA đã tập trung lực lượng tinh nhuệ nhất của mình để đảm nhận khối lượng công việc trên 40% toàn bộ dự án, bàn giao công trình đúng tiến độ và đạt chất lượng cao, phục vụ hội nghị thượng đỉnh APEC tháng 11/2005.

Những đóng góp của LILAMA cho sự nghiệp phát triển đất nước được Đảng và Nhà nước ghi nhận. Tổng công ty lắp máy Việt Nam được tặng danh hiệu đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới. Sự kiện này khẳng định sự thành công của LILAMA trong quá trình đổi mới và phát triển, tạo ra các tiền đề cơ bản về cơ sở vật chất, năng lực quản lý để thực hiện thành công nhiệm vụ trong chiến lược phát triển của mình.

❖ **Giai đoạn 2006 - 2010:**

Năm 2006, LILAMA tiếp tục được chọn là nhà Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Cà Mau 2

công suất 750 MW với giá trị 330,3 triệu USD, tiếp đến là dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 1 công suất 450 MW giá trị gần 305 triệu USD. Chỉ trong thời gian 11 tháng, LILAMA ký 03 Hợp đồng EPC nhà máy điện với tổng công suất 1.950MW, tổng giá trị gần 1 tỷ USD (gồm cả nhà máy điện Cà Mau 1).

Quý I/2009, nhà máy Lọc dầu Dung Quất được bàn giao cho Chủ đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, những sản phẩm xăng dầu đầu tiên của Việt Nam được bắt nguồn từ đây. Tiếp đến là việc bàn giao đúng tiến độ nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 1 tháng 4/2009, nhà máy xi măng Sông Thao tháng 11/2009. Các nhà máy thủy điện Sông Vàng, Sông Ông cũng đã hòa lưới điện quốc gia...

Ngày 9/4/2009, LILAMA tiếp tục ký 02 hợp đồng EPC dự án nhiệt điện Vũng Áng 1 công suất 1.200MW và dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 2 công suất 750MW với tổng giá trị hợp đồng gần 1,7 tỷ USD.

❖ Giai đoạn 2010 - nay:

Năm 2010, LILAMA chuyển đổi sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước theo Quyết định số 93/TĐĐĐ-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà và đến năm 2012, Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà đã chuyển quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại LILAMA về Bộ Xây dựng theo Quyết định số 913/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

LILAMA đã thực hiện thành công, bàn giao đưa vào sử dụng ổn định dự án nhiệt điện đốt than Vũng Áng 1 có công suất lớn nhất tại Việt Nam; hoàn thành bàn giao dự án thủy điện Hòa Na, dự án nhiệt điện Sông Hậu 1, đang là thành viên của Liên doanh Tổng thầu EPC thực hiện dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 3-4.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng, phát triển và trưởng thành LILAMA đã thực hiện và bàn giao hàng ngàn dự án lớn nhỏ, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. LILAMA được đánh giá là Tổng thầu EPC hàng đầu Việt Nam, là một trong những nhà thầu xây lắp đứng đầu trong lĩnh vực thi công các công trình công nghiệp và dân dụng tại Việt Nam. Bước sang năm 2016, Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty lắp máy Việt Nam và chuyển thành Công ty cổ phần. Đến ngày 16/08/2017, cổ phiếu của Tổng Công ty đã chính thức được giao dịch trên sàn chứng khoán cho công ty chưa niêm yết (UPCOM) với mã chứng khoán: LLM. Đây được đánh giá là một bước thay đổi quan trọng, hứa hẹn mở ra một giai đoạn phát triển thành công mới của Tổng Công ty.

2. Ngành, nghề và địa bản kinh doanh

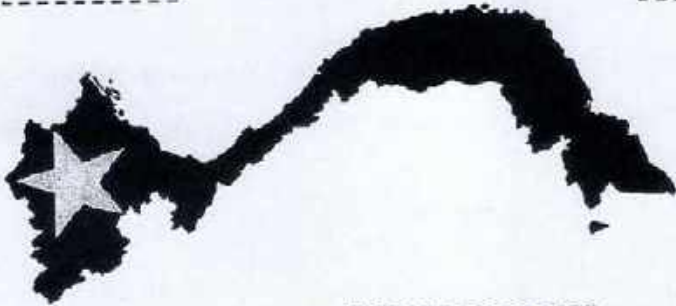
Tổng thầu EPC,
nhà thầu xây lắp



Cơ khí chế tạo

Lĩnh vực khác

- Nhà thầu EPC số 1 tại Việt Nam, thực hiện các dự án lớn với vai trò là tổng thầu EPC.
- Nhà thầu lắp máy uy tín nhất Việt Nam với các dự án lắp máy tiêu biểu như: Tua bin, máy phát của các nhà máy nhiệt điện công suất 100 -> 600 MW, nhà máy thủy điện 240MW...



Trụ sở chính: 124 Minh Khai,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà
Nội

- Chế tạo đến 75% các thiết bị cho các dự án nhiệt điện, thủy điện, xi măng, đóng tàu, dầu khí mà LILAMA là tổng thầu.
- Năng lực chế tạo cơ khí dẫn đầu trên thị trường hiện nay.

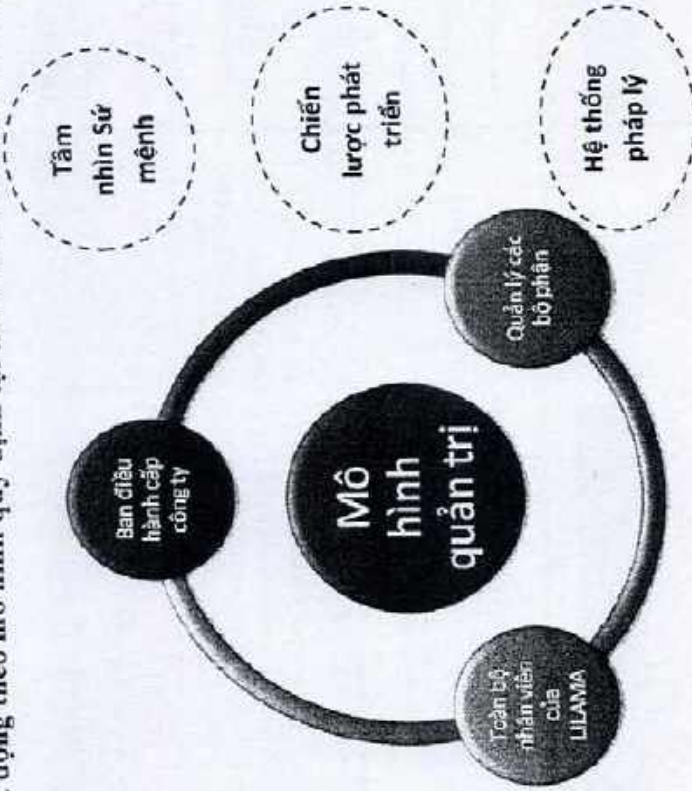
- Hoạt động tư vấn, thiết kế, quản lý dự án: năng cao năng lực cạnh tranh cho LILAMA.
- Hoạt động xuất nhập khẩu và kinh doanh khác.

VPĐD: 9/12 Hồ Tùng Mậu,
Quận 1, thành phố Hồ Chí
Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị Tổng công ty

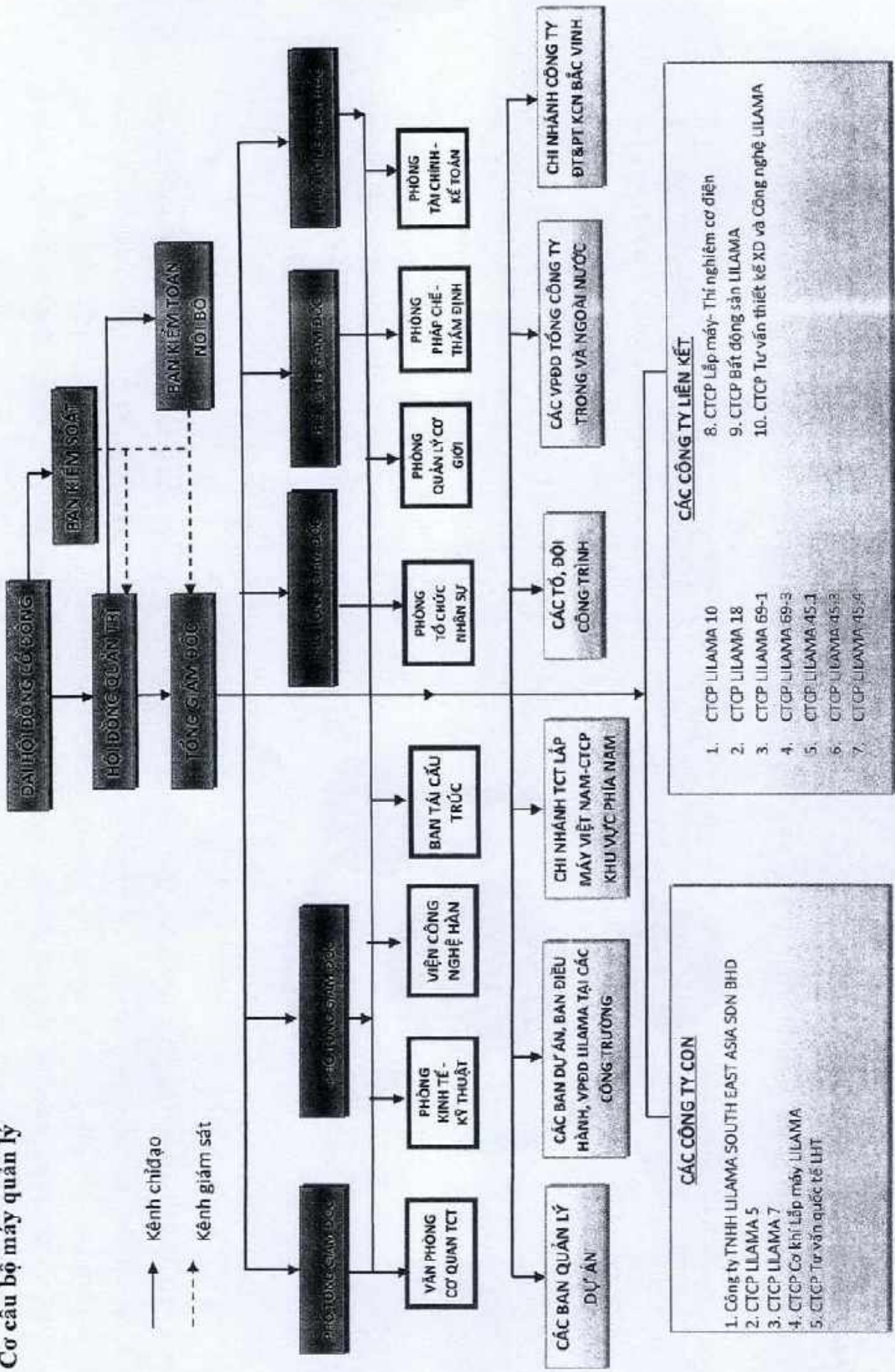
Tổng Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại tiết a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.



- LILAMA sử dụng mô hình quản trị 3 cấp:
- Cấp Công ty: Bao gồm Ban điều hành Tổng công ty (Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc), Ban quản lý các công ty con.
 - Cấp bộ phận: Bao gồm các trưởng, phó phòng của các phòng chức năng Tổng công ty; người đại diện vốn của Lilama tại các công ty liên kết.
 - Cấp chức năng: Bao gồm toàn bộ cán bộ công nhân viên của LILAMA, là người trực tiếp thực hiện các chính sách, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty

Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty vẫn luôn chú trọng đến những yếu tố nội tại - ngoại cảnh tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên toàn bộ hoạt động của Tổng công ty, bao gồm: các rủi ro phát sinh trực tiếp trong quá trình hoạt động (như rủi ro về hoạt động kinh doanh, rủi ro về nhân lực...); những chiến lược phát triển phải phù hợp với tiềm năng của thị trường, tầm nhìn - sứ mệnh phát triển của Tổng công ty; quan trọng nhất là đảm bảo việc tuân thủ những quy tắc, quy định của hệ thống pháp lý nơi diễn ra những hoạt động kinh doanh của LILAMA trong và ngoài nước.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con của LILAMA

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ		NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)		
1.	Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST ASIA SDN BHD	64.986	99.00	Xây lắp, gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí	Liang, Brunei
2.	CTCP LILAMA 5	51.497	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	179 đường Trần Phú, Ba Đình, thị xã Bim Son, Thanh Hóa
3.	CTCP LILAMA 7	50.000	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Số 332, đường 2/9, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Đà Nẵng
4.	CTCP Cơ khí Lắp máy LILAMA	32.651	51,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	72E đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
5.	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	9.600	60,00	Tư vấn thiết kế	Số 124 Minh Khai, phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trung, Hà Nội

Các công ty liên kết

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ		NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)		
1.	CTCP LILAMA 10	98.900	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Tòa nhà Lilama 10, Lê Văn Lương, Nam Từ Liêm, Hà Nội

TT	TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ		NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
		Triệu đồng	Tỷ lệ sở hữu (%)		
2.	CTCP LILAMA 18	93.887	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lầu 9/19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
3.	CTCP LILAMA 69-1	75.762	41,10	Cơ khí chế tạo, xây lắp	17 Lý Thái Tổ, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
4.	CTCP LILAMA 69-3	82.794	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	515 Điện Biên Phủ, phường Bình Hàn, Tp. Hải Dương
5.	CTCP LILAMA 45.1	48.000	36,00	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lô 11, Đường 319 B, Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiện, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
6.	CTCP LILAMA 45.3	35.000	40,83	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Tp. Quảng Ngãi
7.	CTCP LILAMA 45.4	40.000	35,06	Cơ khí chế tạo, xây lắp	Xa Lộ Hà Nội, Khu Công Nghiệp Biên Hoà 1, P. Bình Đà, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
8.	CTCP Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	15.000	36,18	Tư vấn thiết kế	434-436 Nguyễn Trãi, Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
9.	CTCP Bất động sản LILAMA	104.713	27,93	Thương mại, dịch vụ BĐS, XNK,....	Tầng 2, số 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
10.	CTCP Tư vấn thiết kế Xây dựng và công nghệ LILAMA	4.400	45,45	Tư vấn thiết kế	Tầng 1, Tòa nhà E3A, tòa nhà 12 tầng, khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

❖ *Mục tiêu tổng quát*

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất, về quy mô trong toàn Tổng công ty; tạo ra sức cạnh tranh lớn trên thị trường trong và ngoài nước, khẳng định LILAMA là thương hiệu hàng đầu của Việt Nam trong vai trò tổng thầu EPC, nhà thầu xây lắp, nhà chế tạo dây chuyền thiết bị đồng bộ của các dự án công nghiệp để tiến tới tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu của các công ty đa quốc gia.
- Xây dựng Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP và các đơn vị thành viên trở thành các doanh nghiệp mạnh, có tiềm lực tài chính, có trình độ công nghệ và quản lý hiện đại, phát triển tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính đã lựa chọn, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

❖ *Mục tiêu cụ thể*

- Mục tiêu về ngành nghề kinh doanh: Tập trung vào 2 ngành kinh doanh chính mà LILAMA có tiềm năng tăng trưởng, khả năng cạnh tranh cao là (1) Ngành EPC, xây lắp và (2) Ngành Cơ khí chế tạo.
- Mục tiêu về tài chính:
 - o Tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, xây dựng LILAMA có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, bền vững, hướng tới tăng trưởng;
 - o Tăng quy mô vốn điều lệ để tăng nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển;
 - o Tái cơ cấu nợ nhằm giảm hệ số nợ ở mức hợp lý, an toàn, giảm chi phí tài chính bằng việc tăng vốn điều lệ, đẩy nhanh vòng quay vốn, thay thế các khoản vay có thời gian vay ngắn, lãi suất cao bằng các khoản vay thời gian dài, lãi suất hợp lý và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp;
 - o Tái cơ cấu các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả tối ưu, tập trung vốn đầu tư nâng cao năng lực cho các ngành sản xuất kinh doanh chính.
- Mục tiêu về tổ chức, nguồn nhân lực:
 - o Hoàn thiện việc xây dựng cơ cấu tổ chức mới, tinh gọn và hoàn thành thoái vốn tại các đơn

100
TỔN
ÔNG
ÁP
HIỆT
TÁ TRU

vị không thuộc ngành kinh doanh chính/hoạt động không hiệu quả.

- o Đảm bảo nhân lực đáp ứng kế hoạch phát triển trong các ngành kinh doanh chính căn cứ theo doanh thu. Nâng cao tỷ lệ sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ.
 - o Tinh giản bộ máy để phù hợp với mô hình hoạt động và tăng năng suất lao động.
 - o Từng bước nâng cao hiệu quả của người lao động và thu nhập bình quân đầu người lên mức cao hơn.
- Mục tiêu về quản trị:
- o Tổng công ty tiếp tục đóng vai trò là nhà hoạch định, kiểm soát chiến lược; tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh; điều phối chung các hoạt động của doanh nghiệp có vốn góp của LILAMA và các nhà thầu; thoái vốn triệt để tại các đơn vị không thuộc ngành nghề kinh doanh chính hoặc đơn vị hoạt động kém hiệu quả, không phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.
 - o LILAMA sẽ xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp theo Luật doanh nghiệp và phù hợp với các thông lệ tốt của quốc tế, ban hành và áp dụng bộ quy tắc quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự công bằng, tính minh bạch, tính trách nhiệm

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Chuẩn hóa và củng cố mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh để LILAMA trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế, đầy đủ khả năng và sức mạnh để đảm trách vai trò tổng thầu EPC các dự án công nghiệp lớn trong nước, tiếp tục khẳng định thương hiệu LILAMA để vươn ra thị trường khu vực và quốc tế.
- Khẳng định vị trí đứng đầu Việt Nam về ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, tăng cường hơn nữa uy tín và khả năng cạnh tranh, chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng để đáp ứng và đủ điều kiện tham gia vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu.

Các mục tiêu phát triển bền vững

LILAMA kiên định mục tiêu phát triển bền vững của mình là trở thành nhà thầu xây lắp chuyên nghiệp tầm cỡ quốc tế; tạo ra lợi nhuận tối đa cho các cổ đông; tạo môi trường làm việc tốt, thu nhập cao và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên Tổng công ty; Đóng góp, xây dựng phát triển thị trường lắp máy Việt Nam trở thành một trong những mũi nhọn phát triển của đất nước, có tầm ảnh hưởng đến thị trường quốc tế; Đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

Mô hình phát triển bền vững của Tổng công ty:

Cấp quản trị	Chức năng - Nhiệm vụ
Hội đồng quản trị	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đạo chung về chiến lược - Phê duyệt các mục tiêu, kế hoạch hành động
Ban Tổng giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các mục tiêu, kế hoạch hành động trình HĐQT - Triển khai thực hiện mục tiêu, kế hoạch hành động được HĐQT phê duyệt
Các Phòng/Ban nghiệp vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các kế hoạch hành động theo chỉ đạo của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.
Cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các công việc cụ thể hàng ngày có liên quan đến các mục tiêu phát triển của Tổng công ty và của Phòng, Ban nghiệp vụ.

Mô hình phát triển bền vững của LILAMA có nhiệm vụ gắn kết tầm nhìn, sứ mệnh và định hướng phát triển bền vững của Tổng công ty; nhờ đó mà mô hình này có ảnh hưởng tích cực đến những người liên quan cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Là một nhà thầu uy tín, LILAMA nhận thức rõ và có ý thức trách nhiệm cao trong công tác gìn giữ và bảo vệ môi trường. Trong tất cả những công trình mà LILAMA là nhà thầu chính hoặc chủ đầu tư, Tổng công ty đều cố gắng giảm đến mức tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường, không để xảy ra khiếu nại/khiếu kiện về vấn đề an toàn môi trường; những phản ánh, đánh giá không tốt của đối tác về tiêu chuẩn chất lượng xây dựng và bảo vệ môi trường tại Việt Nam và trên thị trường quốc tế. Tổng công ty đã cố gắng đầu tư mua sắm các trang thiết bị thi công hiện đại để đảm bảo mức hao phí nhiên liệu và khí thải được giảm thiểu tối đa.

Tổng công ty cam kết bảo vệ và gìn giữ môi trường, tăng cường sức khỏe, an toàn và an ninh cho nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu, cộng đồng nơi LILAMA hoạt động và công chúng nói chung. Trong các hoạt động của mình, Tổng công ty luôn cố gắng để đảm bảo: ***“Không có tai nạn, không có thiệt hại đối với môi trường tự nhiên và xã hội, tôn trọng đầy đủ nhân phẩm, quyền con người, giá trị kinh tế và bản sắc văn hóa của cộng đồng ở những nơi có các hoạt động của LILAMA”***.

113-
G
TY
MÁY
NAM
NG-V

5. Các rủi ro

Rủi ro về nền kinh tế

Kinh tế vĩ mô năm 2022

2022 tiếp tục là một năm kinh tế thế giới đứng trước nhiều thách thức lớn bởi tác động từ đại dịch Covid-19 và xung đột quân sự Nga – Ucraina. Nhằm kiểm chế lạm phát, Cục dự trữ Liên bang Mỹ trong năm đã thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, tác động đến thị trường tài chính thế giới năm vừa qua. Chỉ số S&P 500 – thước đo rộng nhất của thị trường chứng khoán Mỹ – giảm 19%, trong khi chỉ số công nghiệp Dow Jones mất 8,8% và chỉ số Nasdaq-100 giảm 33%. Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn nhận được đánh giá tích cực từ nhiều tổ chức quốc tế về tình hình kinh tế – xã hội, khẳng định tiềm năng tăng trưởng sẵn có của một thị trường đang phát triển. Trong đó, Moody’s đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam từ mức Ba3 lên mức Ba2 vào tháng 09 năm 2022, thuộc nhóm triển vọng ổn định. Fitch xếp hạng Việt Nam ở hạng BB và thuộc nhóm triển vọng tích cực. Nikkei Asia đánh giá Việt Nam dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về đà phục hồi sau dịch, đứng thứ tám thế giới. Nền kinh tế Việt Nam kết thúc năm 2022 đạt 8,02% tăng trưởng GDP (lần đầu quy mô GDP vượt mức 400 tỷ đô la Mỹ và cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022), lạm phát trong tầm kiểm soát tại 2,59% và thấp hơn nhiều quốc gia – kể cả các nước phát triển, tỷ giá so với đồng đô la Mỹ biến động ít so với các đồng tiền khác.

Triển vọng kinh tế vĩ mô 2023

Kinh tế thế giới năm 2023 dự báo sẽ khó khăn do tiếp tục chịu ảnh hưởng từ bất ổn địa chính trị, lạm phát kéo dài, suy thoái kinh tế tại các thị trường phát triển. Sự kiện bất ổn trên thị trường tài chính gần đây cũng là một rủi ro tiềm tàng với nền kinh tế thế giới trong năm 2023. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo nền kinh tế toàn cầu đạt mức tăng trưởng 2,9%. Tuy nhiên, khu vực châu Á, đặc biệt là ASEAN, được dự báo sẽ vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối khả quan. Việc Trung Quốc mở cửa được kỳ vọng sẽ tạo thuận lợi cho nông nghiệp, dịch vụ, xuất nhập khẩu của Việt Nam. Chính sách tiền tệ thắt chặt kỳ vọng sẽ được điều hành linh hoạt hơn trong năm 2023, đảm bảo thanh khoản, hỗ trợ nền kinh tế phát triển. Tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023 được Ngân hàng Thế giới dự báo ở mức khoảng 6,3%, tiếp tục nằm trong top đầu khu vực Đông Nam Á. Lạm phát được dự báo tiếp tục được duy trì dưới mức 4% Quốc hội đề ra.

Rủi ro về luật pháp

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu

quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Tổng công ty sau khi cổ phần hóa sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019,... Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Tổng Công ty nhưng cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự thay đổi của các văn bản pháp luật cũng làm nảy sinh rủi ro tranh chấp, kiện tụng, bồi thường nếu Tổng Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro hoạt động:

Do lĩnh vực hoạt động chính của Tổng công ty là thi công xây lắp, đặc thù kinh doanh là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần, song song với đó là việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, có nhiều dự án, công trình xây dựng chủ đầu tư lập dự toán còn chưa tương xứng với nguồn vốn đầu tư dẫn tới thời gian thi công bị kéo dài, điều đó càng làm chậm tiến độ giải ngân, thanh quyết toán của các công trình, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Tổng công ty, đôi khi phản ánh không đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý hoạt động cũng như trong năm tài chính.

Rủi ro cạnh tranh:

Tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp thi công xây lắp trong ngành xây dựng ngày càng khốc liệt. Đặc biệt trong tương quan với tỷ lệ đầu tư công giảm thấp so với giai đoạn trước, các doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh, đấu thầu để có được hợp đồng xây lắp. Do vậy doanh nghiệp xây lắp phải luôn tìm cách nâng cao năng lực công nghệ và kỹ thuật để tăng tính cạnh tranh giảm thiểu rủi ro có thể ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng, số lượng hợp đồng, cũng như doanh thu và lợi nhuận kỳ vọng.



- ***Rủi ro về biến động giá nguyên liệu, thiết bị đầu vào:***

Các dự án mà LILAMA thực hiện thường có tiến độ dài, giá trị vật tư, thiết bị chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị hợp đồng. Do vậy, biến động giá cả hàng hóa (vật tư, thiết bị) đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của LILAMA.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của biến động giá, ngoài việc duy trì và phát triển mạng lưới các đối tác cung ứng truyền thống, LILAMA còn chủ động kiểm soát chi phí bằng cách tính đến yếu tố biến động giá, trượt giá ngay từ các khâu chuẩn bị hồ sơ dự thầu, thương thảo và ký kết hợp đồng.

- ***Rủi ro về chi phí vốn vay:***

Tổng công ty có tỷ lệ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn tương đối thấp, do đó chi phí lãi vay trở thành yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty. Khi lập kế hoạch kinh doanh và dự án đầu tư, lãi suất tiền vay đã được dự tính. Tuy nhiên vẫn còn rất nhiều nhân tố nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp tác động đến lãi suất tiền vay. Do đó, những dự kiến trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư có thể chịu tác động xấu từ rủi ro chi phí vốn vay.

Rủi ro môi trường

Những rủi ro về môi trường do thiên nhiên gây ra là các nguyên nhân khách quan như thiên tai, lũ lụt, động đất, v.v là những nguyên nhân bất khả kháng. Do đó, Tổng công ty phải có những chủ trương, cách thức phòng tránh và khắc phục về hậu quả do thiên tai, môi trường gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn bộ hệ thống.

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ			HỢP NHẤT		
	Năm 2021	Năm 2022		Năm 2021	Năm 2022	
		Giá trị	Tăng trường (%)		Giá trị	Tăng trường (%)
Tổng giá trị tài sản	6.491.021	5.443.658	-16,14%	7.393.135	6.203.591	-16,09%
Vốn chủ sở hữu	890.180	906.792	1,87%	1.051.173	980.343	-6,74%
Doanh thu thuần	3.388.116	2.692.158	-20,54%	3.826.142	2.892.079	-24,41%
Giá vốn hàng bán	3.247.576	2.653.437	-18,29%	3.634.336	2.801.850	-22,91%
Lợi nhuận gộp	140.540	38.721	-72,45%	191.806	90.229	-52,96%
Doanh thu tài chính	47.191	128.381	172,05%	59.645	116.790	95,81%
Chi phí tài chính	110.101	124.865	13,41%	150.621	134.244	-10,87%
Lãi từ công ty LK	-	-	-	(997)	(54.182)	5.335,03%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.249	7.720	-88,35%	106.438	40.381	-62,06%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	11.380	34.516	203,30%	(6.605)	(21.788)	229,84%
Lợi nhuận khác	12.762	(2.482)	-	14.721	(7.039)	-
Lợi nhuận trước thuế	24.142	32.034	32,69%	8.116	(28.826)	-
Lợi nhuận sau thuế	11.040	26.619	141,11%	(19.407)	(54.264)	179,61%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2022 của LILAMA

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1	Bùi Đức Kiên	19/12/1971	Chủ tịch HĐQT
2	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
3	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
5	Trần Vũ Vương	28/12/1971	Thành viên HĐQT

Một số thông tin tóm tắt về thành viên Hội đồng quản trị

Ông Bùi Đức Kiên – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Kế toán

Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Ông Nguyễn Văn Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy

Ông Nguyễn Hữu Thành – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Ông Trần Vũ Vương – Thành viên Hội đồng quản trị

- Năm sinh: 1971
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

2.2 Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	15/02/1981	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Lê Thị Thu Hồng	13/10/1976	Thành viên Ban kiểm soát
3.	Trần Thương Huyền	20/07/1975	Thành viên Ban kiểm soát

Thông tin tóm tắt về thành viên Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1981
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Bà Lê Thị Thu Hồng – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1976
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Bà Trần Thương Huyền – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1975
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

2.3 Ban Tổng giám đốc

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ
1	Lê Văn Tuấn	02/09/1963	Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT
2	Nguyễn Văn Hùng	27/02/1979	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT
3	Nguyễn Hữu Thành	03/09/1963	Phó Tổng Giám đốc, kiêm Thành viên HĐQT
4	Lê Quốc Ân	29/7/1970	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Mạnh Dũng	22/01/1970	Phó Tổng Giám đốc
6	Trần Đình Đại	13/10/1961	Phó Tổng Giám đốc (Đã nghỉ hưu)
7	Hoàng Minh Khôi	25/09/1973	Phó Tổng Giám đốc
8	Tô Phi Sơn	29/10/1984	Kế toán trưởng

Một số thông tin tóm tắt về thành viên Ban Tổng giám đốc:

Ông LÊ VĂN TUẤN – Tổng giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông NGUYỄN VĂN HÙNG - Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông NGUYỄN HỮU THÀNH – Phó Tổng Giám đốc

(Xem trong mục thông tin có liên quan đến thành viên HĐQT)

Ông LÊ QUỐC AN - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật nhiệt và máy lạnh

Ông NGUYỄN MẠNH DŨNG - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy

Ông TRẦN ĐÌNH ĐẠI – Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1961
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Ông HOÀNG MINH KHÔI - Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư thiết bị điện

Ông TÔ PHI SƠN – Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1984
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

2.4 Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Trần Đình Đại – Phó tổng giám đốc được nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội từ ngày 01/05/2022.
- Ông Hoàng Minh Khôi được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc từ ngày 25/07/2022.

2.5. Cán bộ công nhân viên Tổng công ty:

Cơ cấu lao động của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31/03/2023

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân theo trình độ	999	100,0%
1	Đại học và trên đại học	427	42,8%
2	Cao đẳng, trung cấp	45	4,5%
3	Công nhân kỹ thuật	244	24,4%
4	Lao động phổ thông	283	28,3%
II	Phân theo thời hạn hợp đồng	999	100,0%
1	Viên chức quản lý doanh nghiệp (không thuộc diện ký Hợp đồng lao động)	9	0,9%
2	Lao động không xác định thời hạn	403	40,3%
3	Lao động hợp đồng có thời hạn	566	56,7%
4	Lao động khác	21	2,1%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị và đầu tư khác

Trong năm 2022, căn cứ vào tình hình và nhu cầu thực tế, LILAMA không thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và máy móc thiết bị.

b) Đầu tư tài chính

➤ Đầu tư vào Công ty con, công ty liên kết

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của LILAMA tại thời điểm 31/12/2022 là 617,1 tỷ đồng, trong đó: 05 Công ty con với giá trị đầu tư 96,9 tỷ đồng, 10 Công ty liên kết với giá trị đầu tư 271,2 tỷ đồng; 07 doanh nghiệp khác với giá trị đầu tư 249,0 tỷ đồng.

Đề án tái cơ cấu LILAMA giai đoạn 2021-2025 vẫn chưa được Bộ Xây dựng thông qua nên trong năm 2022, LILAMA chưa có đủ cơ sở để triển khai công tác thoái vốn đầu tư theo kế hoạch đã xây dựng.

Liên quan đến việc giảm vốn điều lệ của LILAMA SEA, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã có Nghị quyết chấp thuận chủ trương Công ty LILAMA SEA giảm vốn từ 3,8 triệu BND xuống 1,0 triệu BND. LILAMA SEA đã thông qua nội dung này tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty. Theo đó, LILAMA

sẽ thu hồi được một phần vốn đầu tư tại LILAMA SEA (dự kiến khoảng 47,4 tỷ đồng), giảm giá trị đầu tư tại LILAMA SEA từ 64,33 tỷ đồng xuống 16,93 tỷ đồng. Hiện tại, LILAMA đã có Văn bản gửi Bộ Kế hoạch đầu tư đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài. Về phía LILAMA SEA, hiện Công ty đang chờ cơ quan chức năng tại Brunei phê duyệt để thực hiện các thủ tục giảm vốn theo kế hoạch.

➤ Tình hình thu cổ tức, chi trả cổ tức

✓ Tình hình thu cổ tức: Trong năm 2022, có 05 Công ty có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc chia cổ tức cho kết quả SXKD năm 2020 và 2021 với tổng số tiền 35,23 tỷ đồng. Tổng số tiền các Công ty đã chi trả cổ tức cho Tổng công ty bằng tiền là 35,07 tỷ đồng.

✓ Tình hình chi trả cổ tức của Tổng công ty: Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền cổ tức năm 2021 theo đúng quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

- Tỷ lệ chi trả cổ tức : 1%/năm;

- Hình thức chi trả : Bằng tiền mặt;

- Ngày đăng ký cuối cùng : 18/11/2022;

- Thời gian thanh toán : 20/12/2022.

c) Tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2022, mặc dù đại dịch Covid-19 đã được kiểm soát và đẩy lùi, mọi hoạt động kinh tế xã hội toàn cầu vẫn phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động khó lường và tính bất ổn cao. Tuy nhiên, bằng sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao độ, Tổng công ty đã tập trung nguồn nhân lực, thiết bị thi công, nguồn tài chính để vượt qua khó khăn, tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các Dự án bám sát tiến độ thực tế và kế hoạch đề ra, đảm bảo chất lượng, an toàn, đáp ứng được các yêu cầu của Chủ đầu tư/Tổng thầu/Nhà thầu chính.

❖ Tình hình thi công các dự án trong năm 2022 như sau:

➤ **Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2:**

- Hòa lưới điện bằng dầu vào 07/10/2022;

- Tập trung hoàn thành các phần còn lại của hệ thống FGD (bao gồm nhà tách nước thạch cao) để đáp ứng tiến độ bàn giao theo quy định.

➤ **Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2:** Đã hoàn thành công tác hoàn thiện cuối cùng và công tác quyết toán Hợp đồng vào tháng 12/2022.

➤ **Dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2:**

- Hoàn thành lắp đặt 3.608 tấn KCT lò hơi số 1, 654 tấn KCT lò hơi số 2;
- Hệ thống đường ống nước làm mát đã dân được 3.858 Dai Inch;
- Tổ hợp 572 tấn Coal Silo.

➤ **Dự án Hóa dầu Long Sơn:**

- Gói thầu G đã hoàn thành;
- Gói thầu B đã hoàn thành, hiện đang triển khai timesheets phục vụ công tác khắc phục sự cố;
- Đang tiếp tục thi công gói thầu A1, dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 9/2023.

➤ **Dự án Nhiệt điện Vân Phong 1: Công tác thi công đã cơ bản hoàn thành.**

- Đang gấp rút hoàn thành Hạng mục phụ trợ nhà máy và bàn giao cho công tác chạy thử của Tổng thầu CTCL;
- Lắp đặt KCT phần việc bổ sung thêm.

➤ **Dự án Nhà máy Điện khí Nhơn Trạch 3&4:**

- Hoàn thành xây dựng văn phòng dự án, đường tạm vào dự án;
- Đang triển khai thi công các hạng mục xử lý nền móng và móng cọc các hạng mục công trình.

➤ **Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1:**

- Đã hoàn thành công tác thi công và bàn giao cho Chủ đầu tư;
- Đang hoàn thiện các tồn tại, bảo hành nhà máy và thanh quyết toán hợp đồng EPC theo Quyết định 2414/QĐ-TTg ngày 11/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

➤ **Dự án Nhiệt điện Long Phú 1: Dự án đang bị tạm dừng.**

➤ **Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh NEOM:**

- Hợp đồng ký ngày 07/11/2022, giá trị hợp đồng: 43,56 triệu USD.
- Các phần việc đang triển khai thực hiện: Chế tạo kết cấu thép; Nâng cấp cải tạo văn phòng nhà xưởng hiện có tại Phà Rừng, xây dựng bổ sung thêm nhà xưởng chế tạo và sơn ống.

- Ngoài các dự án lớn nêu trên, LILAMA đã và đang triển khai thi công lắp đặt một số dự án khác như: Trạm biến áp 220KV Yên Thủy, TTHN Vĩnh Long, Bệnh viện U bướu Kiên Giang, Trạm cắt 220Kv Bờ Y và Đăk Ooc, các Trạm bơm Kim Xá Vĩnh Phúc, Ngũ Kiên, Nguyệt Đức, ... Các dự án này đã được LILAMA giao cho các nhà thầu và đơn vị thành viên triển khai thực hiện đáp ứng theo tiến độ Hợp đồng. Công tác giải ngân thanh toán cũng đang tuân thủ theo đúng quy định tại Hợp đồng.



3.2. Tình hình tài chính Các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu		Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
I	Các công ty con	841.797	56.161	208.735	298.547	(11.077)	(24.433)
1	Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST ASIA SDN BHD	187.585	122.731	64.986	107.483	51.169	38.120
2	CTCP LILAMA 5	333.600	(92.698)	51.498	53.721	(29.503)	(29.503)
3	CTCP LILAMA 7	128.329	2.302	50.000	34.467	(20.172)	(20.172)
4	CTCP Cơ khí Lắp máy LILAMA	183.542	16.383	32.651	92.682	(12.577)	(12.884)
5	CTCP Tư vấn quốc tế LHT	8.742	7.442	9.600	10.194	6	6
II	Các công ty liên kết	5.093.278	733.349	598.456	3.857.103	(119.514)	(129.442)
1	CTCP LILAMA 10	1.044.503	255.206	98.900	1.035.895	19.654	16.845
2	CTCP LILAMA 18	1.357.174	298.260	93.887	1.359.895	21.269	14.507
3	CTCP LILAMA 69-1	729.814	73.601	75.762	411.885	(73.984)	(73.984)
4	CTCP LILAMA 69-3	694.212	62.068	82.794	893.779	(45.473)	(45.473)
5	CTCP LILAMA 45.1	528.125	10.945	48.000	80.528	(25.563)	(25.563)
6	CTCP LILAMA 45.3	380.032	30.724	35.000	37.002	(8.905)	(8.905)
7	CTCP LILAMA 45.4	115.750	(138.568)	40.000	-	(7.111)	(7.111)
8	CTCP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	131.615	30.995	15.000	38.118	378	127

	Chi tiêu	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Vốn điều lệ	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
9	CTCP Bất động sản LILAMA	109.879	108.031	104.713	-	230	126
10	CTCP Tư vấn thiết kế Xây dựng và công nghệ LILAMA	2.174	2.087	4.400	-	(9)	(9)
	Tổng cộng	5.935.075	789.510	807.191	4.155.650	(130.591)	(153.875)

4. Tình hình tài chính Công ty mẹ

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng (%)
Tổng giá trị tài sản	6.491.021.087.356	5.443.657.726.099	-16,14%
Nợ phải trả	5.600.840.749.364	4.536.866.184.938	-19,00%
Vốn chủ sở hữu	890.180.337.992	906.791.541.161	1,87%
Doanh thu thuần	3.388.116.153.378	2.692.157.714.999	-20,54%
Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	11.380.089.071	34.516.230.333	203,30%
Lợi nhuận khác	12.761.624.657	-2.482.360.181	-
Lợi nhuận trước thuế	24.141.713.728	32.033.870.152	32,69%
Lợi nhuận sau thuế	11.040.067.142	26.618.783.569	141,11%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	72,21%	Dự kiến 29,95%	-

Nguồn: BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2022 của LILAMA

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022
<u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,03	1,05
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,91	0,95
<u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>			
Nợ/Tổng tài sản	%	86,29	83,34
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	629,18	500,32
<u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,13	4,83
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,51	0,45
<u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,33	1,19
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,24	2,93
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,17	0,59
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	0,34	1,28

Nguồn: Tính toán căn cứ trên số liệu BCTC Công ty mẹ kiểm toán năm 2021, 2022 của LILAMA

5. Cơ cấu cổ đông và sự thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm

Cơ cấu sở hữu và số lượng cổ đông của LILAMA tại ngày 18/11/2022

STT	Đối tượng	Số cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần (%)
1	Cổ đông trong nước	388	79.718.104	797.181.040.000	99,99%
	Cổ đông nhà nước	1	78.032.404	780.324.040.000	97,88%
	Cá nhân	387	1.685.700	16.857.000.000	2,11%

STT	Đối tượng	Số cổ đồng	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần (%)
2	Cổ đông nước ngoài	0	8.000	80.000.000	0,01%
	Tổ chức	0	0	0	0%
	Cá nhân	1	8.000	80.000.000	0,01%
3	Tổng cộng	389	79.726.104	797.261.040.000	100,0%

Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD lập ngày 18/11/2022

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty (79.726.104 cổ phần) hoàn toàn là cổ phần phổ thông, trong đó:

- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 79.706.304 cổ phần, chiếm 99,98% tổng số cổ phần đang lưu hành.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng (theo cam kết năm làm việc khi thực hiện cổ phần hóa đối với cán bộ CNV Tổng công ty): 19.800 cổ phần, chiếm 0,02% tổng số cổ phần đang lưu hành.

Từ thời điểm chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần năm 2016 cho đến nay, LILAMA chưa thực hiện tăng vốn, phát hành hay chào bán cổ phiếu nào ra công chúng để tăng vốn điều lệ. Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Tổng công ty là cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh, nhu cầu về máy móc thiết bị phục vụ việc thực hiện các hợp đồng EPC, hợp đồng xây lắp của Tổng công ty tương đối lớn với các yêu cầu về chủng loại, kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ, ... đa dạng, phức tạp, đặc biệt là máy móc thiết bị cung cấp cho các dự án nhiệt điện đốt than. Các thiết bị như Tuabin, lò hơi, máy phát, ... cung cấp cho các dự án EPC luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí máy móc thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với các loại nguyên nhiên vật liệu phục vụ thi công như: sắt thép các loại, que hàn, sơn, cáp điện, các loại khí công nghiệp, ... là thường xuyên và phổ biến đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của LILAMA.

Nhằm đảm bảo chất lượng các công trình của mình, cũng như đảm bảo việc xây lắp các công trình hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường, Tổng công ty không chỉ tìm kiếm các nguồn cung cấp đa

dạng đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của dự án, mà còn đáp ứng được các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường. Bằng cơ chế quản lý tốt việc nhập máy móc, nguyên nhiên vật liệu từ khâu lựa chọn nhà cung cấp, LILAMA tin tưởng sẽ đóng góp phần nhỏ trong việc bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hiện tại Tổng công ty hoàn toàn tuân thủ các tiêu chuẩn và pháp luật về bảo vệ môi trường. LILAMA chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. Với ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường, LILAMA luôn cam kết việc hoàn toàn tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về vấn đề bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh của mình.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động

➤ Chế độ làm việc

- LILAMA có một môi trường làm việc nghiêm túc, cởi mở và hợp tác. Tăng cường khả năng nghề nghiệp và phát triển năng lực cống hiến cá nhân của nhân viên.
- Chế độ làm việc dựa trên cơ sở của Bộ luật lao động.
- Các công cụ dụng cụ làm việc (như máy tính, mạng internet, văn phòng phẩm, máy fax, điện thoại cố định, bàn ghế ...) được trang bị đầy đủ theo nhu cầu công việc cũng như được hỗ trợ về kỹ thuật hiện đại.
- Các bộ phận sản xuất kinh doanh được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (như quần áo, găng tay, mũ, thắt lưng bảo hiểm ...). Công nhân làm việc theo ca, có thể làm thêm giờ, nhưng không vượt quá số giờ quy định so với luật hiện hành.

➤ Chính sách tuyển dụng, thu hút lao động và đào tạo lao động

- LILAMA hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp, là đơn vị hàng đầu về tổng thầu EPC, cơ khí chế tạo, cơ khí lắp máy, tư vấn thiết kế ... do vậy LILAMA luôn chú trọng tuyển dụng những kỹ sư có trình độ để đáp ứng nhu cầu cho công việc của Tổng công ty từ các trường Đại học kỹ thuật như: Bách Khoa Hà Nội, Xây dựng, Công nghiệp Thái Nguyên, Bách Khoa Đà Nẵng và những trường đại học danh tiếng khác trong và ngoài nước.
- Công tác tuyển dụng của LILAMA được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông báo tuyển dụng trên báo chí, tại các trường đại học và qua website của Tổng Công ty.
- Lao động sau khi được tuyển dụng vào Tổng công ty được tiếp tục đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng

chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng theo chương trình về các chuyên đề: Quản lý dự án, quản lý thi công lắp đặt, quản lý chất lượng, giám sát chế tạo, quản lý vật tư, an toàn lao động, tiếng Anh, v.v..

➤ ***Thời gian làm việc và chính sách lương***

LILAMA tuyệt đối tuân thủ các quy định của Luật lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời gian làm việc (bao gồm cả làm thêm giờ) cũng như thời gian nghỉ ngơi của người lao động. Người lao động được tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ, hưởng lương cùng các chế độ phúc lợi khác theo quy định và theo tình hình thực tế của Tổng Công ty.

➤ ***Chính sách an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và an sinh xã hội***

- Nâng cao nhận thức cho các nhân viên ở tất cả các cấp về an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, quản lý môi trường và xã hội trong các hoạt động của Tổng công ty.
- Xây dựng hệ thống và các quy trình tích hợp để ngăn ngừa ô nhiễm, chấn thương tại nơi làm việc, cải thiện sức khỏe, tăng cường tính bền vững về môi trường và xã hội, phù hợp với thông lệ quốc tế được nêu trong các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận.
- Tiến hành đánh giá rủi ro và tác động đối với an toàn, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường và xã hội. Có các biện pháp ngăn ngừa đối với các tác động tiêu cực, và nếu không thể ngăn ngừa thì giảm thiểu, giảm nhẹ, và/hoặc đền bù cho người lao động, cộng đồng và môi trường bị ảnh hưởng.
- Tuân thủ luật pháp quốc gia, các quy định và các yêu cầu khác liên quan đến lao động, an toàn, sức khỏe nghề nghiệp và bảo vệ môi trường.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

a) Công tác lãnh đạo chỉ đạo

Đảng ủy, lãnh đạo Tổng công ty luôn quan tâm, chỉ đạo công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo đúng đối tượng, công khai, công bằng, dân chủ, chính xác, kịp thời và phù hợp với quy định. Qua đó, khuyến khích, tạo động lực cho cán bộ nhân viên, đảng viên phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Hội đồng thi đua khen thưởng của LILAMA luôn hoạt động tích cực, tổ chức các hoạt động thi đua khen thưởng thường xuyên hoặc theo chuyên đề rộng khắp toàn Tổng công ty, đặc biệt tại các công trường dự án trọng điểm của LILAMA như dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 2... Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết, kiểm tra, giám sát trên cơ sở đăng ký thi đua, kết quả thi đua của từng đơn vị nhằm phát hiện và lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, dẫn đầu các phong trào thi đua để báo cáo Bộ Xây dựng biểu dương và nhân rộng điển hình tiên tiến.



b) Kết quả các phong trào thi đua

Công tác thi đua năm 2022 của LILAMA đã nhận được sự quan tâm đầy đủ của Đảng ủy, Lãnh đạo Tổng công ty và Ban dự án. Các hoạt động này có ảnh hưởng sâu rộng, là nguồn cổ vũ động viên tích cực đến tinh thần người lao động, tạo dựng và giữ gìn được môi trường công việc ổn định, là động lực thúc đẩy để toàn thể cán bộ công nhân viên nỗ lực phấn đấu, chuyên tâm cho công việc, giúp LILAMA đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

c) Công tác khen thưởng

Công tác thẩm định hồ sơ, xét, đề nghị khen thưởng của LILAMA phù hợp với Luật thi đua khen thưởng và các quy định liên quan. Trong năm 2022, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã ghi nhận, tôn vinh và đề nghị khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong công tác năm 2021 như sau:

➤ Đối với tập thể:

- Giấy khen Tổng công ty: 26 tập thể
- Tập thể lao động xuất sắc: 07 tập thể
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ xây dựng: 06 tập thể

➤ Đối với cá nhân:

- Giấy khen Tổng công ty: 761 cá nhân
- Chiến sỹ thi đua cơ sở: 544 cá nhân
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: 39 cá nhân
- Chiến sỹ thi đua Ngành Xây dựng: 16 cá nhân
- Danh hiệu Niên hạn Ngành Lắp máy: 145 cá nhân
- Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp Xây dựng: 17 cá nhân

d) Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2022.

Hội đồng thi đua khen thưởng Cơ quan Tổng công ty tiếp tục tiến hành rà soát, chuẩn bị hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua năm 2022 đối với tập thể, các nhân Tổng công ty đạt được những thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong công tác.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua, các đợt chiến dịch thi đua cao điểm trên các công trình dự án trọng điểm của LILAMA từ Bắc vào Nam với mục tiêu nâng cao năng suất, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc.

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH 2021
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Doanh thu thuần	2.942,7	2.692,2	91,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	29,0	32,0	110,4%
4	Nộp ngân sách nhà nước	40,0	30,3	75,8%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	1%/năm	Dự kiến 1%/năm	100,0%
6	Đầu tư phát triển	22,5	0	
7	Quỹ lương NLĐ	153,5	144,9	94,4%

Trong năm 2022, mặc dù đại dịch Covid 19 đã được kiểm soát và cuộc sống sinh hoạt trở lại bình thường nhưng ảnh hưởng của đại dịch thì vẫn còn, cộng thêm ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga - Ucraina ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế thế giới, khu vực và Việt Nam, khiến cho hoạt động SXKD của Tổng công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn. Tuy nhiên, bằng sự cố gắng, nỗ lực cao độ, Tổng công ty tuy không hoàn thành toàn bộ các mục tiêu kế hoạch nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu về hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo toàn vốn, cụ thể:

Doanh thu đạt 2.692,2/2.942,7 tỷ đồng, tương đương 91,5% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 32/29 tỷ, tương đương 110,4% so với kế hoạch; Nộp ngân sách nhà nước đạt 30,3/40 tỷ đồng, tương đương 75,8% so với kế hoạch.

Mặc dù không hoàn thành kế hoạch doanh thu, tuy nhiên trong năm 2022, lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đã vượt kế hoạch, đạt 110,4% so với kế hoạch. Tuy vậy, Tổng công ty vẫn đang đứng trước những thách thức không nhỏ khi thị trường công việc lắp đặt, chế tạo không thuận lợi, cạnh tranh gay gắt; các dự án đầu tư công đình hoãn, giãn tiến độ; tỷ suất sinh lời dự án thấp. Mặt khác, với cơ cấu vốn chủ sở hữu thấp, nợ vay lớn, chi phí lãi vay cao; cùng với việc dòng tiền thực tế thu được từ các dự án (có doanh thu nhưng chưa có dòng tiền) chậm, còn nhiều nợ đọng, nợ khó đòi, thâm hụt dòng tiền và còn nhiều vướng mắc như: Dự án Sông Hậu 1, Dự án Thái Bình 2, Dự án Long Phú 1, ...khiến cho việc xoay xở, thu xếp dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty gặp không ít khó khăn.



2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản - đầu tư xây dựng cơ bản

Trên cơ sở thận trọng đầu tư và tiết giảm các chi phí không cần thiết, cùng với hệ thống thiết bị, máy móc thi công của Tổng công ty hiện tương đối ổn định, có khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án mà Tổng công ty đang thực hiện. Do đó, trong năm 2022, Tổng công ty không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc, thiết bị.

2.2. Tình hình thu hồi công nợ

Đối với công tác thu hồi công nợ, Ban lãnh đạo Tổng công ty luôn chỉ đạo sát sao việc đánh giá, phân loại các khoản nợ đọng và thu hồi công nợ để có nguồn vốn bổ sung vào hoạt động SXKD. Việc thu hồi công nợ của Tổng công ty tuy có nhiều chuyển biến tích cực song vẫn còn nhiều khó khăn (thu hồi được 77,6 tỷ đồng nợ khó đòi tại các dự án: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình, Xi măng Vicem Sông Thao và Thủy điện Hòa Na; thu hồi 7,8 tỷ đồng gốc cho vay từ đơn vị thành viên). Nguyên nhân chủ yếu do các đơn vị đều đang gặp nhiều khó khăn về tài chính, đồng thời có một số khoản nợ đã bắt đầu phát sinh quá hạn, dẫn đến việc LILAMA phải trích lập dự phòng (xi măng Tân Thắng).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

a. Về công tác tổ chức:

- Thành lập Ban dự án Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, kể từ ngày 18/3/2022.
- Thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP khu vực phía Nam, kể từ ngày 04/05/2022.
- Thành lập Đội thi công số 02 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (tên viết tắt: Đội thi công số 02), kể từ ngày 05/07/2022.
- Thành lập Ban dự án Điện Vũng Áng 2 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, kể từ ngày 05/07/2022.
- Thành lập Ban điều hành LILAMA các dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP, kể từ ngày 21/12/2022.

b. Về công tác cán bộ, nhân sự:

- Điều động 122 lượt CBCNV cho các phòng ban, đơn vị và ban dự án của Tổng công ty.
- Tổng số lao động của Tổng công ty tính đến 31/12/2022 là 748 người, trong đó số tuyển mới 348 người, số chấm dứt HĐLĐ 244 người, tạm hoãn hợp đồng lao động 48 người, số lao động nghỉ hưu 4 người.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Công tác chỉ đạo điều hành

Ban lãnh đạo Tổng công ty quyết tâm, tập trung mọi nỗ lực, thực hiện mọi giải pháp để chỉ đạo, điều hành Tổng công ty đương đầu và vượt qua mọi khó khăn, thách thức phía trước, đảm bảo duy trì hoạt động SXKD, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023.

Bước vào năm 2023 tam thời vượt qua thời kỳ khó khăn với một số công trình mới ký kết và vào giai đoạn thi công cao điểm. Kế hoạch doanh thu dự kiến năm 2023 của Công ty mẹ cao hơn so với doanh thu thực hiện năm 2022 (bằng 179,4%). Ban điều hành Tổng công ty xây dựng kế hoạch năm 2023 sát với tình hình thực hiện các dự án và diễn biến của thị trường nhằm đảm bảo khả năng thực hiện và hoàn thành ở mức cao nhất.

Các dự án tiềm năng sẽ thực hiện trong giai đoạn tới:

- Dự án đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn: Bên mời thầu gia hạn thời điểm đóng thầu đến T4/2023.
- Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh NEOM: Gia công chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị cơ khí cho 55 module điện phân 20MW (Giai đoạn 2) đang trong quá trình đàm phán với Thyssenkrupp, giá trị hợp đồng khoảng 50,7 triệu USD
- Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh Trà Vinh (Xây dựng, Gia công chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị cơ khí, lắp đặt hệ thống điện và đo lường điều khiển, lắp đặt bảo ôn và sơn): Đang trong quá trình chào giá.
- Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh Europe: Gia công chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị cơ khí cho 36 module điện phân 20MW (31 triệu USD)
- Dự án Kho chứa LNG ITECO: Lắp đặt bồn (khoảng 140 tỷ)

Với viễn cảnh thị trường nhiều khó khăn được dự báo như vậy, Tổng công ty xây dựng kế hoạch năm 2023 một cách thận trọng, đảm bảo tính khả thi và hiện thực hóa cao nhất với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ KH2023 /TH2022
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Doanh thu thuần	2.692,2	4.831,0	179,4%
3	Lợi nhuận trước thuế	32,0	36,0	112,5%
4	Nộp ngân sách nhà nước	30,3	40,0	132,0%

5	Tỷ lệ cổ tức	1%/năm	2%	200%
6	Đầu tư XD/CB	0,0	100,0	
7	Quỹ lương NLD	144,98	196,04	135,1%

4.2. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động

- Sau khi được Bộ Xây dựng và ĐHCĐ thông qua, Tổng công ty sẽ triển khai thực hiện các nội dung tái cơ cấu theo Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo.
- Hồ sơ quyết toán để bàn giao vốn Nhà nước sang công ty cổ phần cơ bản đã được Tổng công ty thực hiện đầy đủ, ngoại trừ vướng mắc lớn nhất còn tồn tại liên quan đến (i) phương án sắp xếp, xử lý nhà đất theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2017 của Chính Phủ với khu đất 8.157m² tại Lô E9-E6, đường Phạm Hùng, HN; (ii) ý kiến chính thức của UBND thành phố Hà Nội về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa của LILAMA tại 03 tầng văn phòng (3.477,01m²) và 50% diện tích tầng hầm (895,4m²) của tòa nhà hỗn hợp 21 tầng tại 124 Minh Khai, HBT, Hà Nội và (iii) ý kiến chính thức của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa của LILAMA đối với Lô đất tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các cơ quan, ban ngành liên quan để giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc còn tồn tại nhằm sớm hoàn thành công tác quyết toán vốn Nhà nước bàn giao sang công ty cổ phần.
- Đối với công tác tổ chức, lao động: Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, sắp xếp, kiện toàn bộ máy quản lý, tinh giảm nhân sự các phòng ban; tuyển dụng mới, đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động có trình độ phù hợp với thực tế công việc. Đồng thời, thực hiện sắp xếp lại các đơn vị thành viên theo các ngành nghề kinh doanh chính phù hợp với Đề án tái cơ cấu.

4.3. Công tác thị trường

Trong năm 2023, Tổng công ty tiếp tục thực hiện các Dự án đã ký hợp đồng như: Dự án nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, Dự nhiệt điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, Dự án điện Vũng Áng 2, Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn, Dự án nhà máy nhiệt điện Văn Phong 1, Dự án Nhiệt điện Long Phú 1, ...

Định hướng công tác thị trường: Tổng công ty vẫn đang tập trung công tác tiếp thị, bám sát chủ đầu tư và các đối tác để được tham gia thi công các dự án/gói thầu chuẩn bị thực hiện trong tương lai như: Dự án đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn, Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh NEOM, Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh Trà Vinh, Dự án Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh Europe, Trung tâm điện lực LNG Bạc Liêu, Dung Quất 1,2,3...

Liên quan đến định hướng ngành nghề, trong thời gian tới Tổng công ty tiếp tục tập trung vào 02 ngành kinh doanh chính là EPC, xây lắp và Cơ khí chế tạo.

(1) Ngành EPC, xây lắp:

- Ưu tiên khai thác các dự án công nghiệp điện (nhà máy, trạm điện, đường dây...) vì đây là thị trường tiềm năng, tăng trưởng vững do đã được Chính phủ quy hoạch ổn định.
- Tham gia nhiều hơn vào các dự án công nghiệp dầu khí (nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy khí, đường ống khí...), đặc biệt là các dự án đã nằm trong quy hoạch.
- Tiếp tục tham gia các dự án công nghiệp khác (xi măng, thép, vật liệu xây dựng...) và các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng (sân bay, đường sắt tốc độ cao...)
- Đối với lĩnh vực xuất khẩu, không chỉ xuất khẩu lao động như trước đây mà cần hướng tới đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ (xây lắp).

(2) Ngành Cơ khí chế tạo:

- Cơ khí xuất khẩu: Tăng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm cơ khí; tăng cường hợp tác quốc tế, từng bước tham gia vào chuỗi liên kết toàn cầu qua việc cung cấp các bộ phận, chi tiết hoặc hàng hóa trung gian khác phục vụ công tác lắp ráp sản phẩm cuối cùng cho các tập đoàn, công ty trên thế giới.
- Cơ khí chế tạo trong nước:
 - ✓ Bám sát Cơ chế thí điểm thực hiện thiết kế, chế tạo trong nước thiết bị các nhà máy nhiệt điện, tăng dần tỷ lệ nội địa hóa thiết bị trong các dự án công nghiệp mà LILAMA thực hiện.
 - ✓ Hợp lý hóa cơ cấu sản phẩm cơ khí theo hướng củng cố vững chắc danh mục sản phẩm hiện tại, đồng thời mở rộng danh mục sản phẩm chế tạo trong lớp công nghệ thiết bị phụ trợ cao cấp hơn phục vụ cho các dự án EPC.
 - ✓ Thực hiện dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và chế tạo thiết bị thay thế cho các nhà máy công nghiệp.

4.4. Công tác quản lý tài chính

Trong năm 2023, một trong những nhiệm vụ cấp thiết của Tổng công ty là phải đẩy mạnh công tác nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thu hồi các khoản công nợ, nợ đọng để giảm thiểu hệ số nợ vay và chi phí tài chính phải gánh chịu, góp phần cải thiện tình hình tài chính cũng như bổ sung thêm nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



4.5. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động

- Tiếp tục thi công, hoàn thiện các công trình đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ, hiệu quả các dự án đã được ký kết hợp đồng.
- Thực hiện quản lý chặt chẽ, hiệu quả nhằm giảm chi phí phát sinh, sử dụng tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu.

4.6. Công tác đầu tư

Thực hiện Đề án tái cơ cấu trong giai đoạn mới, từ năm 2023 Tổng công ty dự kiến đầu tư phương tiện máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công cho các đội thi công (thiết bị nâng hạ, giàn giáo, palăng, dụng cụ cầm tay, máy hàn, kho xưởng tạm ...) với giá trị dự kiến đầu tư khoảng 97,5 tỷ đồng. Ngoài ra, Tổng công ty có kế hoạch đầu tư bổ sung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Bắc Vinh với giá trị khoảng 2,5 tỷ đồng. Tổng giá trị kế hoạch đầu tư năm 2023 dự kiến là 100 tỷ đồng.

4.7. Công tác phát triển nguồn nhân lực

Để đạt được mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, vấn đề con người luôn được lãnh đạo Tổng công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm 2023, tiếp tục lập quy hoạch cán bộ, tìm người có trình độ phù hợp với từng vị trí công tác để từ đó đào tạo, bồi dưỡng thêm.

Số lượng lao động hiện nay tạm thời đáp ứng được nhu cầu triển khai thực hiện các dự án. Tuy nhiên, cần tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao hơn trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4.8. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty

- Tập trung chỉ đạo các công trình trọng điểm của nhà nước hoàn thành với chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn và mỹ thuật cao, qua đó tiếp tục phát triển thương hiệu của LILAMA.
- Tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam để có hướng đi riêng trong lĩnh vực ngành nghề chính đồng thời khẳng định thương hiệu của LILAMA.
- Quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu LILAMA.

4.9. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, thân thiện thể hiện qua các giá trị như: môi trường làm việc, các tiêu chuẩn trong công việc, thái độ giao tiếp...

- Xây dựng phong cách lao động có kỷ luật: Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, kỷ luật công nghiệp và đặc biệt là thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn, vệ sinh công nghiệp ở trên từng phương tiện thiết bị, từng công trường, nhà máy... và trước hết ở cơ quan điều hành.
- Xây dựng văn hóa kinh doanh: Luôn tôn trọng và sẵn sàng hợp tác với khách hàng, bạn hàng, Tự tin, trung thực trong công việc và là đối tác tin cậy của đối tác, khách hàng.
- Xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa: Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng, nhất là những đối tượng thường xuyên tiếp khách, giao tiếp với các đối tác trong và ngoài nước.

4.10. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng

Tiếp tục phát huy và triển khai các phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng như truyền thống từ trước đến nay của LILAMA.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty

Tổng công ty luôn tập trung phát huy nguồn lực đầu tư vào các công nghệ mới, tiên tiến áp dụng vào Việt Nam, không chỉ phục vụ trong lĩnh vực ngành nghề chính để khẳng định thương hiệu của mình, mà còn nhằm mục đích giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến môi trường trong quá trình hoạt động. Ngoài quảng bá hình ảnh của LILAMA qua sự hợp tác với các cơ quan truyền thông, báo chí, các tổ chức xã hội... Tổng công ty còn kêu gọi việc nêu cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên toàn Tổng công ty về xây dựng và bảo vệ hình ảnh, thương hiệu Lilama gắn với bảo vệ môi trường sống cho con người.

Tổng Công ty xây dựng Phương hướng, nhiệm vụ công tác thi đua khen thưởng năm 2022 như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, “Đảm bảo và nâng cao chất lượng các công trình xây dựng” trong phạm vi toàn LILAMA với mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác.
- Hướng nội dung các phong trào thi đua yêu nước vào giải quyết các vấn đề cấp bách, khó khăn, vướng mắc, những mặt còn tồn tại của LILAMA như tinh giản bộ máy, tăng năng suất lao động, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp toàn Tổng công ty, tái cơ cấu doanh nghiệp, tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng thị trường và đấu thầu để có thêm nhiều dự án mới...
- Tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tạo không khí phấn khởi, đoàn kết, động viên cán bộ công nhân viên lao động tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước. Đặc biệt quan tâm triển khai tại những công trình dự án xa trung tâm, những người lao động trực tiếp có điều kiện sống và làm việc gặp nhiều khó khăn.



- Tiếp tục tổ chức các phong trào thi đua liên kết, các đợt chiến dịch thi đua cao điểm trên các công trình dự án trọng điểm của LILAMA từ Bắc vào Nam đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn lao động. Đôn đốc thực hiện các chỉ thị hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng của Bộ, ban ngành và Chính phủ.

Công đoàn và Đoàn thanh niên Tổng công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống của CBCNV Tổng công ty: Tổ chức các chương trình giao lưu văn nghệ, thể thao, có nhiều hình thức động viên đối với con em CBCNV vào các dịp Tết trung thu, tết thiếu nhi, khen thưởng các cháu có thành tích học tập tốt...

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng công ty

❖ *Đánh giá về Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:*

Trong năm 2022, mặc dù đại dịch Covid 19 đã được kiểm soát, mọi hoạt động kinh tế xã hội của nước ta vẫn phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động khó lường và tính bất ổn cao. Tuy vậy, bằng sự cố gắng, nỗ lực và quyết tâm cao độ, Hội đồng quản trị, phối hợp với Ban điều hành Tổng công ty, đã lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý điều hành một cách linh hoạt, thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ được giao thích ứng với bối cảnh kinh tế xã hội, đưa LILAMA vượt qua khó khăn để tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ăn việc làm, các chế độ chính sách cho người lao động và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022 (chỉ tiêu chính) của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP so với các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHQĐ thường niên năm 2022 thông qua như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHQĐ 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH 2022
1	Vốn điều lệ	797,26	797,26	100%
2	Doanh thu thuần	2.942,7	2.692,2	91,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	29,0	32,0	110,4%
4	Nộp ngân sách nhà nước	40,0	30,3	75,8%
5	Tỷ lệ cổ tức (%)	1%/năm	Dự kiến 1%/năm	100,0%
6	Đầu tư XDCB	22,5	0	
7	Quỹ lương NLD	153,5	144,9	94,4%

❖ *Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Đầu tư của Tổng công ty*

➤ *Đầu tư xây dựng cơ bản, máy móc thiết bị và đầu tư khác*

Trong năm 2022, căn cứ vào tình hình và nhu cầu thực tế, LILAMA không thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản và máy móc thiết bị.

➤ *Đầu tư ra ngoài doanh nghiệp*

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của LILAMA tại thời điểm 31/12/2022 là 617,1 tỷ đồng,

trong đó: 05 Công ty con với giá trị đầu tư 96,9 tỷ đồng, 10 Công ty liên kết với giá trị đầu tư 271,2 tỷ đồng; 07 doanh nghiệp khác với giá trị đầu tư 248,9 tỷ đồng.

Đề án tái cơ cấu LILAMA giai đoạn 2021-2025 vẫn chưa được Bộ Xây dựng chấp thuận nên trong năm 2022, LILAMA chưa có đủ cơ sở để triển khai công tác thoái vốn đầu tư theo kế hoạch đã xây dựng.

Liên quan đến việc giảm vốn điều lệ của LILAMA SEA, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã có Nghị quyết chấp thuận chủ trương Công ty LILAMA SEA giảm vốn từ 3,8 triệu BND xuống 1,0 triệu BND. LILAMA SEA đã thông qua nội dung này tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty. Theo đó, LILAMA sẽ thu hồi được một phần vốn đầu tư tại LILAMA SEA (dự kiến khoảng 47,4 tỷ đồng), giảm giá trị đầu tư tại LILAMA SEA từ 64,33 tỷ đồng xuống 16,93 tỷ đồng. Hiện tại, LILAMA đã có Văn bản gửi Bộ Kế hoạch đầu tư đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài. Về phía LILAMA SEA, hiện Công ty đang chờ cơ quan chức năng tại Brunei phê duyệt để thực hiện các thủ tục giảm vốn theo kế hoạch.

❖ *Đánh giá về Kết quả thực hiện công tác Quản lý tài chính của Tổng công ty*

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên, rà soát, đối chiếu, phân loại các khoản nợ phải thu, phải trả, tập trung thu hồi công nợ, xử lý hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn và lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp, thực hiện kiểm kê theo quy định làm cơ sở lập báo cáo tài chính và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Chỉ đạo việc lập kế hoạch tài chính năm 2022 và xây dựng phương án vay vốn, hạn mức tín dụng năm 2022 - 2023 nhằm đảm bảo nguồn tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh và thi công các công trình của Tổng công ty. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã thông qua giới hạn tín dụng vay vốn, mở L/C, phát hành bảo lãnh tại một số ngân hàng (BIDV, Vietcombank, TP Bank, PVCombank, SHB...).

Chỉ đạo tiếp tục thu nợ tại các Công ty có nợ đến hạn phải trả Tổng công ty, tuy nhiên do phần lớn các đơn vị vay vốn đang ở trong tình trạng bất ổn về tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ và/hoặc kém hiệu quả nên trong năm 2022, công tác thu hồi nợ (gốc và lãi vay) của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn.

Chỉ đạo đẩy mạnh công tác thanh quyết toán, thu hồi vốn tại các dự án thi công, nợ đọng từ những năm trước để tập trung nguồn tài chính phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tăng cường công tác quản lý tài chính, cắt giảm các chi phí không cần thiết, tiết giảm chi phí và thực hiện các biện pháp để sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn.

Để có cơ sở biểu quyết thông qua một số nội dung liên quan tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của LILAMA, Tổ đại diện vốn đã trình Bộ Xây dựng thông qua Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2021. Theo đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021 của Công ty mẹ LILAMA theo phương án được Bộ Xây dựng và ĐHĐCĐ thông qua.

Chỉ đạo thực hiện công tác giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 đối với Công ty con, Công ty liên kết của Tổng công ty. Qua đó, chỉ đạo Người đại diện vốn tại các Công ty nghiêm túc thực hiện các khuyến nghị, chỉ đạo của Tổng công ty liên quan đến công tác quản lý, giám sát tài chính tại doanh nghiệp.

Với chức năng định hướng và giám sát thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty và các Công ty thành viên, đảm bảo hoạt động của LILAMA tuân thủ các quy chế, quy định quản lý nội bộ, Điều lệ LILAMA và pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tổng công ty và các Công ty thành viên (thông qua người đại diện phần vốn) tăng cường công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định để đánh giá đầy đủ, kịp thời tình hình tài chính và phát hiện các yếu kém trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cảnh báo và đề ra các biện pháp chấn chỉnh phù hợp...

➤ **Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn SXKD:**

a. Cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản:	13,67 %
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản:	86,33 %

b. Cơ cấu nguồn vốn (%):

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn:	83,34 %
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn:	16,66 %

c. Khả năng thanh toán (lần):

- Khả năng thanh toán nhanh = (TSNH – HTK)/Tổng nợ ngắn hạn:	0,95 lần
- Khả năng thanh toán hiện hành = TS�D/Nợ ngắn hạn:	1,05 lần

d. Tỷ suất lợi nhuận (%):

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản:	0,59 %
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu:	1,19 %
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu:	2,93 %

Các chỉ số, kết quả trên đây cho thấy:

- Về cơ cấu tài sản: Tỷ lệ tài sản lưu động chiếm phần lớn tổng tài sản.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn là 83,34%. Do vốn điều lệ của Tổng công ty nhỏ so với quy mô hoạt động và nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn vay, dẫn tới chi phí tài chính tương đối lớn.
- Về khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán của Tổng công ty lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán nợ của Tổng công ty hiện đang ở mức chấp nhận được so với đặc thù kinh doanh của ngành.
- Tỷ suất lợi nhuận: Với đặc thù ngành nghề, tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản và Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu của Tổng công ty tương đối thấp. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là 2,93%, cho thấy Tổng công ty hoạt động có lãi nhưng hiệu quả sử dụng vốn chưa cao.

❖ **Đánh giá về Hoạt động quản trị doanh nghiệp**

Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn được giao, trong năm 2022 Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã tổ chức họp, hội ý, lấy ý kiến 56 phiên, đã ban hành 122 nghị quyết, 27 quyết định và một số văn bản khác liên quan đến công tác định hướng quản lý, chỉ đạo toàn diện trên các mặt hoạt động của Tổng công ty.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo Tổng công ty rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Để hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp tại Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị đã quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị LILAMA từ ngày 1/1/2022.

Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và ban hành kế hoạch giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong sản xuất kinh doanh, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2022 của Tổng công ty.

Chỉ đạo việc kiểm tra tình hình quản lý; việc triển khai thi công thực hiện dự án; tình hình triển khai, thực hiện hợp đồng giao khoán và quyết toán khoán nội bộ; tình hình huy động và sử dụng nhân lực; tình hình hạch toán và quản lý chi phí đối với phần việc tại Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn thuộc hợp đồng ký giữa Tổng công ty và Công ty cổ phần Lilama 69-1.

Chỉ đạo thực hiện việc kiểm tra tình hình quản trị, tình hình tài chính và SXKD tại Công ty cổ phần Lilama 18 và Công ty cổ phần Cơ khí Lắp máy LILAMA theo kế hoạch đã được phê duyệt. Ngoài ra, Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo theo dõi công tác hoạt động của Người được cử tham gia Ban kiểm soát tại Công ty có phần vốn góp của Tổng công ty (Kiểm soát viên), qua đó tổng hợp các vấn đề cần

lưu ý trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Công ty có phần vốn góp của Tổng công ty.

Xem xét các báo cáo xin ý kiến của người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các Công ty có phần vốn góp của LILAMA để thông qua các nghị quyết chỉ đạo người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông LILAMA tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các cuộc họp Hội đồng quản trị các Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của các đơn vị và Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng công ty.

Chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể các đơn vị thành viên trên các mặt hoạt động như tình hình tài chính, công tác quản trị doanh nghiệp, việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội, tiền lương đối với người lao động, kinh phí công đoàn và việc triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu... Qua đó, đưa ra các đề xuất, giải pháp, khuyến nghị, ý kiến chỉ đạo (thông qua Người đại diện vốn) để các Công ty phát huy những mặt tích cực đạt được cũng như khắc phục những khó khăn, yếu kém còn tồn tại.

Chỉ đạo tăng cường công tác quản trị rủi ro nhằm nhận diện, đánh giá, xếp hạng rủi ro và xác định rủi ro trọng yếu của Doanh nghiệp trong hoạt động SXKD, từ đó có biện pháp phòng ngừa và đưa ra kế hoạch hành động kịp thời, phù hợp.

Chỉ đạo thực hiện việc công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.

Chỉ đạo cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện tối đa để Ban kiểm soát Tổng công ty hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ.

Thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị; qua đó Hội đồng quản trị đã hỗ trợ, tạo điều kiện tối đa để Ban điều hành chủ động và đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 đã được phê duyệt.

❖ *Đánh giá về Công tác cổ phần hóa và tái cơ cấu doanh nghiệp*

➤ *Cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty*

Hiện nay, công tác quyết toán để bàn giao vốn Nhà nước sang công ty cổ phần cơ bản đã được Tổng công ty thực hiện đầy đủ, ngoại trừ vướng mắc lớn nhất còn tồn tại liên quan đến ý kiến chính thức của UBND thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định giá trị quyền sử dụng đất sau cổ phần hóa của LILAMA tại (i) 03 tầng văn phòng (3.477,01m²) và 50% diện tích tầng hầm (895,4m²) của tòa nhà hỗn hợp 21 tầng tại 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội; (ii) Lô đất tại

Quận 9 (nay là Thành phố Thủ Đức), thành phố Hồ Chí Minh và (iii) Khu đất tại Lô E9-E6 đường Phạm Hùng (KĐT mới Quận Cầu Giấy), Quận Cầu, Hà Nội.

Về vấn đề này, Tổng công ty đã nhiều lần có Công văn gửi các cơ quan chức năng liên quan đề nghị giải quyết, tuy nhiên đến nay UBND thành phố Hà Nội và UBND thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa có văn bản trả lời cuối cùng để giải quyết dứt điểm.

Đối với khu đất của Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng tại Phường Phước Long B, Quận 9, TP HCM và Trụ sở VP LILAMA tại KĐT mới Phạm Hùng, Quận Cầu Giấy, HN, Tổng công ty đã đề xuất phương án hoàn trả lại cho UBND TP HN và UBND TP HCM và đã được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua. Hiện nay, Tổng công ty đang triển khai các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng để hoàn trả lại 02 Dự án nói trên.

➤ Công tác thoái vốn nhà nước, tái cơ cấu doanh nghiệp

Thực hiện chủ trương thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017; Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2022 của Thủ tướng chính phủ và chỉ đạo của Bộ xây dựng tại Công văn số 3317/BXD-QLDN về việc triển khai công tác thoái vốn và chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về SCIC theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ, LILAMA đã triển khai các trình tự, thủ tục thoái vốn theo quy định và trình Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt. Tuy nhiên, do sự thay đổi của chính sách Nhà nước và dưới sự chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Tổng công ty đã thay đổi thời điểm thẩm định giá 5 lần tại các thời điểm 30/6/2017, 31/12/2017, 30/6/2018, 30/6/2020 và 31/12/2020 và đã trình Bộ Xây dựng xem xét.

Ngày 29/11/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1479/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước giai đoạn 2022-2025, theo đó LILAMA thuộc danh mục doanh nghiệp thực hiện thoái vốn Nhà nước về 51% vốn điều lệ; thời gian hoàn thành giai đoạn 2024-2025. Ngày 15/12/2022, Bộ Xây dựng có Văn bản số 5682/BXD-KHTC về việc triển khai Quyết định số 1479-QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó yêu cầu Người đại diện phần vốn Nhà nước tại LILAMA rà soát, hoàn thiện trình Bộ Xây dựng Đề án tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ và xây dựng, đề xuất kế hoạch, lộ trình cụ thể phương án thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty theo kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng, LILAMA đã hoàn thiện nội dung Đề án tái cơ cấu và đề xuất kế hoạch thoái vốn Nhà nước tại LILAMA trình Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 01/TTr-DDV ngày 09/01/2023. Hiện nay, Tổng công ty đang chờ ý kiến chỉ đạo tiếp theo của Bộ Xây dựng để có cơ sở thực hiện các trình tự, thủ tục thoái vốn nhà nước tại LILAMA theo quy định và lộ trình đã đề ra.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty

Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định và các quy chế, quy định quản lý nội bộ; luôn theo dõi sát sao hoạt động của Ban Tổng giám đốc, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong quá trình điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty, đảm bảo thực hiện và hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị Tổng công ty.

Trong năm 2022, dù vẫn phải tiếp tục đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, quyết tâm của Ban Tổng giám đốc khi đã điều hành Tổng công ty đạt được một số kết quả tích cực trong công tác thu hồi công nợ, ký mới một số hợp đồng thi công, chế tạo giá trị lớn, góp phần giảm áp lực về tài chính trong bối cảnh các chính sách tiền tệ đang bị thắt chặt, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn lớn về vốn, thanh khoản như hiện nay.

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý điều hành, Ban Tổng giám đốc luôn bám sát các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, đảm bảo theo đúng định hướng phát triển của Tổng công ty, luôn không ngừng củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức, thực hiện các giải pháp đồng bộ để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát triển văn hóa doanh nghiệp, chú trọng công tác quản trị rủi ro để kịp thời phát hiện và có kế hoạch hành động phù hợp, từng bước cải thiện và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

❖ *Đánh giá về Công tác tổ chức, nhân sự, tiền lương*

Trong năm 2022, về cơ bản công tác tổ chức, nhân sự, tiền lương đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

➤ Công tác tổ chức:

- Để hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng cường khả năng cạnh tranh của Tổng công ty, Hội đồng quản trị đã thông qua Đề án thành lập Chi nhánh và Phương án thành lập Chi nhánh Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP khu vực phía Nam; Thông qua phương án thành lập Đội thi công số 2 thuộc Tổng công ty để tham gia thi công trực tiếp một số dự án mà Tổng công ty trúng thầu.
- Ngoài ra, để quản lý thi công các dự án vừa ký kết hợp đồng, Tổng công ty đã thông qua phương án thành lập Ban dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3&4, Ban dự án điện Vũng Áng 2, Ban điều hành LILAMA các dự án Nhà máy Hydrogen xanh thuộc Tổng công ty.

➤ Công tác nhân sự: Căn cứ yêu cầu công tác, tiêu chuẩn, phẩm chất, đạo đức, năng lực cán bộ và kết quả quá trình công tác trong thời gian giữ chức vụ, Hội đồng quản trị đã thông qua việc bổ

nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý Tổng công ty (bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc) và lãnh đạo, quản lý các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

- Tổng số lao động của Tổng công ty tính đến 31/12/2022 là 748 người, trong đó số tuyển mới là 348 người, số chấm dứt hợp đồng lao động là 244 người, tạm hoãn hợp đồng lao động 48 người, số lao động nghỉ hưu 4 người. Trong năm 2022, Tổng công ty đã điều động 122 lượt CBCNV cho các phòng ban, đơn vị và Ban dự án của Tổng công ty.
- Về công tác quản lý Người đại diện vốn: Trong năm 2022, Tổng công ty đã thông qua phương án cử lại Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại một số công ty con, công ty liên kết; cho ý kiến chỉ đạo để người đại diện phần vốn Tổng công ty tại một số công ty con, công ty liên kết biểu quyết tại các cuộc họp Hội đồng quản trị về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.
- Chỉ đạo thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập, lập và phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai năm 2022 trong toàn Tổng công ty và tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng.
- Công tác tiền lương: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo thực hiện việc chi trả tiền lương cho người quản lý công ty theo đúng quy định. Đối với người lao động, việc chi trả tiền lương được thực hiện đầy đủ và kịp thời.
- Trong năm 2022, mặc dù đối mặt với rất nhiều thách thức, khó khăn, Công ty mẹ Tổng công ty vẫn thực hiện đầy đủ, đảm bảo các quyền, lợi ích, chế độ chính sách cho người lao động (tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp...). Tuy nhiên, tại một số đơn vị thành viên, do tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn nên việc chi trả tiền lương chưa được kịp thời, việc thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động chưa được đầy đủ và theo đúng quy định.

3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HDQT

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục cố gắng nâng cao trách nhiệm, đặt lợi ích của Tổng công ty trên lợi ích cá nhân, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhất, phối hợp chặt chẽ, linh hoạt với Ban điều hành Tổng công ty để cùng đưa LILAMA vượt qua giai đoạn khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, hướng tới phát triển ổn định và bền vững. Các nhiệm vụ, nhóm giải pháp cần được triển khai thực hiện như sau:

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, nâng cao năng lực cạnh tranh, bám sát chủ đầu tư, các tổng thầu, chào giá hợp lý để có thể ký kết hợp đồng, đảm bảo công việc cho năm 2023 và các năm tiếp theo.

- Tiếp tục chỉ đạo công tác sản xuất kinh doanh, tập trung thi công, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, năng suất lao động tại các công trường đang thi công để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023; đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn để có dòng tiền phục vụ hoạt động SXKD.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác quyết toán, thu hồi công nợ tại các công trình đã thi công hoàn thành.
- Tiếp tục tập trung quyết liệt để hoàn thành công tác quyết toán vốn bàn giao sang công ty cổ phần, thoái vốn nhà nước theo chủ trương của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Xây dựng
- Sau khi Đề án tái cơ cấu được Bộ Xây dựng và ĐHCĐ thông qua, tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án tái cơ cấu trong đó chú trọng công tác thoái vốn đầu tư tại các công ty có phần vốn góp của LILAMA theo lộ trình và kế hoạch đề ra. Đặc biệt, chỉ đạo quyết liệt để thoái vốn tại một số Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh kém hiệu quả.
- Chỉ đạo tăng cường công tác quản lý nhân sự, chú trọng vấn đề kỷ luật và an toàn lao động, hợp lý hóa lao động phù hợp với nhu cầu thi công, quản lý các dự án tại các Ban dự án, đặc biệt là tại các Đội công trình thi công, Chi nhánh của Tổng công ty.
- Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng ban, rà soát, phân công, cơ cấu lao động hợp lý, kiện toàn đội ngũ lãnh đạo tại các phòng ban Tổng công ty và Người đại diện vốn tại các công ty thành viên để từng bước cải thiện và nâng cao hiệu quả quản lý điều hành hoạt động SXKD, tái cơ cấu nguồn nhân lực trên cơ sở tinh gọn, nâng cao năng suất lao động để tiết giảm chi phí cho Tổng công ty.
- Tăng cường công tác quản trị, đặc biệt là quản trị chi phí trong bối cảnh Tổng công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD như hiện nay. Theo đó, bằng mọi giải pháp, chỉ đạo tiết giảm tối đa chi phí, thực hành tiết kiệm, quản lý thi công và nhân công tại công trường chặt chẽ, nâng cao năng suất lao động, cân đối cân trọng quỹ tiền lương chi trả phù hợp với thực trạng tình hình SXKD của Tổng công ty...
- Tăng cường công tác giám sát tài chính, kiểm soát nội bộ, giám sát tình hình hoạt động SXKD tại các công ty con, công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn của Tổng công ty, tăng cường công tác kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro.
- Chỉ đạo người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các đơn vị tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các giải pháp đồng bộ để hạn chế những mặt còn tồn tại, yếu kém; cũng như chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển kế hoạch SXKD phù hợp, đảm bảo việc làm và các quyền lợi, chế độ cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách Nhà nước, BHXH theo đúng quy định.
- Tính đến thời điểm hiện nay, hệ thống quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty đã hoàn thiện, phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và tình hình thực tế hoạt động sản

xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tuy vậy, để đáp ứng mô hình hoạt động của các đội thi công và chi nhánh mới được thành lập, Hội đồng quản trị chi đạo tiếp tục rà soát và xây dựng một số quy chế, quy định liên quan đến chi nhánh phụ thuộc và các đội thi công trực tiếp như quy chế khoán, quy chế quản lý vật tư, công cụ, dụng cụ, bảo hộ lao động...Hệ thống quy chế, quy định này nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong công tác quản lý điều hành của Tổng công ty.

- Tiếp tục chi đạo toàn diện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022

(theo Phụ lục đính kèm)

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2023

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM – CTCP

Người đại diện theo pháp luật TAK



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Tuấn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-48
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-48

SỐ
CƠ
CH
NG
A
/N
/THAI B

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/07/2022
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2022
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng Quản trị


Bùi Đức Kiên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023




Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc



Số: 300323.037/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc nội dung sau:

Tại thuyết minh số 2.3 - "Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng", đến thời điểm phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.699.375.343.734	5.721.442.048.002
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.420.685.397.568	1.156.786.185.220
111	1. Tiền		1.074.400.504.233	551.501.291.885
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.346.284.893.335	605.284.893.335
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.766.387.677.603	3.835.336.450.399
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.302.897.792.360	3.580.809.200.152
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	840.668.399.421	695.869.770.099
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	369.258.814.323	377.105.669.770
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	423.577.186.706	388.115.692.818
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.170.014.515.207)	(1.206.563.882.440)
140	IV. Hàng tồn kho	10	456.983.657.781	642.023.780.113
141	1. Hàng tồn kho		456.983.657.781	642.023.780.113
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		55.318.610.782	87.295.632.270
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	1.043.145.172	404.823.329
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.382.097.237	59.133.532.574
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	39.893.368.373	27.757.276.367
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		744.282.382.365	769.579.039.354
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.742.000.000	8.571.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.742.000.000	8.571.000.000
220	II. Tài sản cố định		83.006.717.245	92.353.149.155
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	68.795.784.007	64.427.638.028
222	- Nguyên giá		425.780.689.111	401.452.455.020
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(356.984.905.104)	(337.024.816.992)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	3.613.254.026	17.327.831.915
225	- Nguyên giá		4.385.458.181	24.387.807.273
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(772.204.155)	(7.059.975.358)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	10.597.679.212	10.597.679.212
228	- Nguyên giá		12.335.728.212	12.335.728.212
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.738.049.000)	(1.738.049.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	17.730.647.226	20.035.803.378
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.397.316.294)	(37.092.160.142)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	39.634.571.709	39.604.894.302
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		39.634.571.709	39.604.894.302
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	538.448.577.059	568.639.051.469
251	1. Đầu tư vào công ty con		96.904.048.828	96.904.048.828
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		271.222.251.568	271.222.251.568
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		248.959.582.264	248.959.582.264
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(78.637.305.601)	(48.446.831.191)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		56.719.869.126	40.375.141.050
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	54.409.629.126	38.064.901.050
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.	2.310.240.000	2.310.240.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.536.866.184.938	5.600.840.749.364
310	I. Nợ ngắn hạn		4.471.714.288.070	5.581.473.995.253
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	2.044.056.889.053	3.817.559.539.912
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	864.874.336.366	111.363.062.427
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	324.226.051	2.399.101.851
314	4. Phải trả người lao động		29.046.583.663	19.263.941.948
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	575.680.905.087	421.885.145.792
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	809.218.733	771.746.006
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	157.262.131.155	9.860.192.757
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	736.622.992.689	1.130.885.040.448
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	24	2.783.731.161	-
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		60.253.274.112	67.486.224.112
330	II. Nợ dài hạn		65.151.896.868	19.366.754.111
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	14.992.019.851	15.630.631.311
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	885.246.839	842.586.839
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	2.508.652.990	109.804.800
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	24	46.765.977.188	2.783.731.161
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		906.791.541.161	890.180.337.992
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	907.066.033.601	890.750.860.432
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		797.261.040.000	797.261.040.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		77.877.980.000	76.221.970.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.927.013.601	17.267.850.432
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		5.308.230.032	6.227.783.290
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		26.618.783.569	11.040.067.142
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(274.492.440)	(570.522.440)
431	1. Nguồn kinh phí		(274.492.440)	(570.522.440)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.443.657.726.099	6.491.021.087.356



Lại Việt Tân
Người lập

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023



Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	2.692.157.714.999	3.388.116.153.378
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.692.157.714.999	3.388.116.153.378
11	4. Giá vốn hàng bán	28	2.653.436.717.454	3.247.576.458.404
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.720.997.545	140.539.694.974
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	128.380.984.124	47.190.716.408
22	7. Chi phí tài chính	30	124.865.373.952	110.100.970.330
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		60.743.455.617	83.579.275.227
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	7.720.377.384	66.249.351.981
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.516.230.333	11.380.089.071
31	11. Thu nhập khác	32	137.171.717	13.336.536.378
32	12. Chi phí khác	33	2.619.531.898	574.911.721
40	13. Lợi nhuận khác		(2.482.360.181)	12.761.624.657
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.033.870.152	24.141.713.728
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	5.415.086.583	14.544.526.586
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	(1.442.880.000)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.618.783.569	11.040.067.142

Lại Việt Tân

Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		32.033.870.152	24.141.713.728
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.977.473.061	19.127.147.425
03	- Các khoản dự phòng		40.407.084.365	28.721.221.227
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		20.925.333.260	181.012.993
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(81.835.382.458)	(55.249.119.513)
06	- Chi phí lãi vay		60.743.455.617	83.579.275.227
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		88.251.833.997	100.501.251.087
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.199.914.424.905	774.553.322.086
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		185.040.122.332	(225.035.670.379)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(767.256.135.875)	(234.789.028.099)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(16.983.049.919)	11.835.761.194
14	- Tiền lãi vay đã trả		(60.840.719.337)	(84.197.003.800)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(15.928.283.301)	(7.000.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.231.367.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.499.287.000)	(11.495.570.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.602.930.272.802	324.373.062.089
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.355.562.406)	(994.222.905)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	11.718.754.818
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		7.846.855.447	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		65.804.604.483	22.163.745.347
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		69.295.897.524	32.888.277.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 797.261.040.000 VND; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 756 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 720 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;
- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các môi hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- Hoạt động chính của Tổng công ty là thi công và xây lắp các công trình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của Tổng công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có 5 công ty con và 10 công ty liên kết. Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty Cổ phần.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài tại 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 60 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước giá vốn các dự án... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	171.558.611	170.907.198
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.074.228.945.622	551.330.384.687
Các khoản tương đương tiền	1.346.284.893.335	605.284.893.335
	<u>2.420.685.397.568</u>	<u>1.156.786.185.220</u>

Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 1.346.284.893.335 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Mã Chứng khoán	31/12/2022		01/01/2022	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con		96.904.048.828	(18.569.803.163)	96.904.048.828	(11.708.118.915)
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD		64.336.340.000	-	64.336.340.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 5	LO5	9.180.000.000	(9.180.000.000)	9.180.000.000	(9.180.000.000)
- Công ty Cổ phần Lilama 7	LM7	7.905.000.000	(6.727.749.842)	7.905.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	L35	8.492.667.900	(137.446.242)	8.492.667.900	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT		6.990.040.928	(2.524.607.079)	6.990.040.928	(2.528.118.915)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		271.222.251.568	(35.947.903.465)	271.222.251.568	(9.571.369.316)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	L45	18.908.271.421	(14.967.213.098)	18.908.271.421	(4.241.895.230)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	L43	7.002.100.000	-	7.002.100.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	L44	5.188.680.200	(5.188.680.200)	5.188.680.200	(5.188.680.200)
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama		29.697.241.118	-	29.697.241.118	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thị nghiệm Cơ điện	LCD	3.907.800.000	-	3.907.800.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama		1.100.135.974	(147.611.386)	1.100.135.974	(140.793.886)
- Công ty Cổ phần Lilama 10	L10	52.111.309.091	-	52.111.309.091	-
- Công ty Cổ phần Lilama 18	LM8	86.688.820.750	-	86.688.820.750	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	L61	28.832.055.556	-	28.832.055.556	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	L63	37.785.837.458	(15.644.398.781)	37.785.837.458	-
Đầu tư vào đơn vị khác		248.959.582.264	(24.119.598.973)	248.959.582.264	(27.167.342.960)
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PVY	19.799.036.703	(19.799.036.703)	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)		2.165.892.592	(33.884.148)	2.165.892.592	(33.884.148)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	HNA	85.696.088.606	-	85.696.088.606	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao		35.716.560.384	-	35.716.560.384	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long		16.169.971.505	(2.237.866.330)	16.169.971.505	(236.724.752)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama		86.548.866.279	(2.048.811.792)	86.548.866.279	(7.097.697.357)
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama		2.863.166.195	-	2.863.166.195	-
		617.085.882.660	(78.637.305.601)	617.085.882.660	(48.446.831.191)

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các giao dịch phát sinh với Công ty con, Công ty liên kết xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít trên sàn chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 của các công ty này.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 5	Tỉnh Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 7	TP. Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Tỉnh Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	TP. Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	TP. Hồ Chí Minh	35,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Tỉnh Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Tỉnh Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	TP. Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	TP. Hà Nội	36,18%	36,18%	Thí nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	TP. Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
- Công ty Cổ phần Lilama 10	TP. Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 18	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Tỉnh Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Tỉnh Hải Dương	36,00%	36,00%	Xây lắp
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	TP. Vũng Tàu	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	TP. Đà Nẵng	2,00%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Tỉnh Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Tỉnh Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Tỉnh Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama	TP. Hà Nội	15,25%	15,25%	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Tỉnh Quảng Ngãi	5,64%	5,64%	Xử lý, tái chế chất thải

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	22.503.405.297	(3.511.976.958)	14.228.515.722	(3.510.895.558)
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	1.222.454.150	-	-	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	4.357.416.443	-	4.346.950.612	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	146.971.985	-	139.363.021	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.511.976.958	(3.511.976.958)	3.511.976.958	(3.510.895.558)
Công ty Cổ phần Lilama 10	1.654.942.267	-	754.839.322	-
Công ty Cổ phần Lilama 18	1.888.136.967	-	1.885.411.725	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	-	-	120.164.594	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	-	-	1.412.928	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	-	-	66.596.446	-
Công ty Cổ phần Lilama 5	313.954.500	-	299.624.300	-
Công ty Cổ phần Lilama 7	-	-	82.341.263	-
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	8.908.977.389	-	2.980.234.553	-
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	78.600.000	-	39.600.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	419.974.638	-	-	-

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	1.280.394.387.063	(393.287.822.172)	3.566.580.684.430	(443.171.810.152)
Ban QLDA	163.490.754.225	-	2.534.603.447.042	-
Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN				
Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 - PVC	367.344.135.007	(271.604.863.316)	481.752.362.583	(340.238.613.776)
Doosan Heavy Industries Vietnam Co Ltd-Nghi Sơn 2	144.038.249.082	-	97.897.400.000	-
Công ty CP Xi măng Tân Thắng	50.967.361.316	(25.003.080.326)	64.168.361.316	-
Công ty CP Xi măng Sông Thao	66.510.764.847	(66.510.764.847)	70.484.307.105	(70.484.307.105)
Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm Nhà máy thuộc DA Nhiệt điện BOT Vân Phong 1	104.026.370.668	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	384.016.751.918	(30.169.113.683)	317.674.806.384	(32.448.889.271)
	1.302.897.792.360	(396.799.799.130)	3.580.809.200.152	(446.682.705.710)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	51.583.794.060	(3.935.088.816)	51.379.986.976	-
CTCP Lilama 45.1	38.742.982.119	-	35.964.881.678	-
CTCP Lilama 45.3	1.409.793.614	-	1.409.793.614	-
CTCP Lilama 45.4	11.431.018.327	(3.935.088.816)	11.431.018.327	-
CTCP Lilama 69.1	-	-	2.574.293.357	-
Bên khác	789.084.605.361	(86.638.003.783)	644.489.783.123	(81.393.958.336)
Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng	453.752.587.741	-	453.752.587.741	-
Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	46.716.011.731	-	46.716.011.731	-
Trả trước cho người bán khác	288.616.005.889	(86.638.003.783)	144.021.183.651	(81.393.958.336)

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	127.638.806.430	(127.638.806.430)	135.485.661.877	(135.485.661.877)
- Công ty CP Lilama 45.1	102.014.527.975	(102.014.527.975)	109.861.383.422	(109.861.383.422)
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	(25.624.278.455)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
Bên khác	241.620.007.893	(241.620.007.893)	241.620.007.893	(241.620.007.893)
- Công ty CP LISEMCO	227.646.699.893	(227.646.699.893)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty CP Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	369.258.814.323	(369.258.814.323)	377.105.669.770	(377.105.669.770)

Bao gồm các khoản cho vay với các đối tác từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức vay tín chấp. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay ⁽¹⁾	261.917.298.227	(256.142.857.109)	245.886.520.252	(244.141.596.578)
- Tạm ứng	19.071.855.720	-	1.309.491.013	-
- Ký quỹ	26.000.000	-	930.000.000	-
- Phải thu tiền nộp cấp quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư ⁽²⁾	42.872.855.944	-	45.937.813.423	-
- Liên danh PECOM-LILAMA (Trạm Kim Xá) ⁽³⁾	1.803.629.070	-	-	-
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Phải thu khác	84.766.237.865	(54.107.963.846)	80.932.558.250	(54.107.963.846)

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	73.774.317.271	(73.719.811.221)	62.090.455.626	(61.718.550.690)
- Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	23.081.870	-	360.733.156	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Công ty CP Lilama 45.1	58.951.191.922	(58.951.191.922)	49.335.551.717	(49.335.551.717)
- Công ty CP Lilama 45.3	11.636.631.099	(11.636.631.099)	9.251.010.773	(9.251.010.773)
- Công ty CP Lilama 5	11.171.780	-	11.171.780	-
- Công ty CP Lilama 10	4.822.000	-	-	-
- Công ty CP Lilama 18	10.126.200	-	-	-
- Công ty CP Lilama 69.1	5.304.200	-	-	-
Bên khác	349.802.869.435	(239.662.997.934)	326.025.237.192	(239.662.997.934)
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	(75.867.468.383)	75.867.468.383	(75.867.468.383)
- Công ty CP LISEMCO	144.066.231.662	(144.066.231.662)	144.066.231.662	(144.066.231.662)
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽¹⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông	8.330.407.947	(8.330.407.947)	8.330.407.947	(8.330.407.947)
- Các đối tượng khác	111.751.439.763	(11.398.889.942)	87.973.807.520	(11.398.889.942)
	<u>423.577.186.706</u>	<u>(313.382.809.155)</u>	<u>388.115.692.818</u>	<u>(301.381.548.624)</u>
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	8.742.000.000	-	8.571.000.000	-
	<u>8.742.000.000</u>	<u>-</u>	<u>8.571.000.000</u>	<u>-</u>

⁽¹⁾ Khoản phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay chủ yếu của các khoản cho vay của các đối tác được trình bày tại thuyết minh số 07- Phải thu về cho vay ngắn hạn và đã trích lập dự phòng đầy đủ. (Chi tiết tại thuyết minh số 9- Nợ xấu)

⁽²⁾ Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

⁽³⁾ Đây là số tiền Tổng Công ty được phép giải ngân từ tài khoản thanh toán chung (chuyên chỉ) của Liên danh Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bơm Châu Âu ("PECOM" - thành viên đứng đầu liên danh) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An được sử dụng để nhận thanh toán từ Chủ đầu tư và thanh toán cho các nhà thầu phụ/chỉ phi của từng thành viên của liên danh trong cho việc thực hiện gói thầu CW03: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị, xây dựng hệ thống tiêu trạm bơm Kim Xá và công trình phụ trợ".

⁽⁴⁾ Khoản tiền Thuế nhập khẩu Tổng Công ty đứng ra trả thay cho Nhà thầu liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, khi quyết toán với Nhà thầu sẽ bù trừ số tiền này với số tiền Tổng Công ty phải trả.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a. Phải thu khách hàng				
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	367.344.135.007	95.739.271.691	481.752.362.583	141.513.748.807
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	66.510.764.847	-	70.484.307.105	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	15.097.651.580	-	15.097.651.580	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	9.043.466.795	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	50.967.361.316	25.964.280.990	-	-
- Các khoản khác	9.539.972.266	-	12.344.765.654	526.099.200
b. Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	102.014.527.975	-	109.861.383.422	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	25.624.278.455	-	25.624.278.455	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	-	227.646.699.893	-
c. Phải thu ngắn hạn khác				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	11.128.889.942	-	11.128.889.942	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	144.066.231.662	-	144.066.231.662	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	-	75.867.468.383	-
- Công ty CP Lilama 45.1	58.951.191.922	-	49.335.551.717	-
- Công ty CP Lilama 45.3	11.636.631.099	-	9.251.010.773	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-
- Các khoản khác	8.600.407.947	-	8.600.407.947	-
d. Ứng trước cho người bán				
- Công ty Cổ phần Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	22.343.291.198	5.038.240.331	22.343.291.198	10.282.285.778
- Các khoản khác	8.342.068.094	1.972.461.871	8.342.068.094	5.907.550.687
	<u>1.298.728.770.090</u>	<u>128.714.254.883</u>	<u>1.364.793.566.912</u>	<u>158.229.684.472</u>

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.375.636.487	-	1.416.222.754	-
Công cụ, dụng cụ	14.125.949.442	-	2.097.151.606	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	435.876.615.024	-	619.907.066.509	-
Hàng hoá	5.605.456.828	-	18.603.339.244	-
	456.983.657.781	-	642.023.780.113	-

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	306.104.094.598	460.464.818.787
- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	37.959.188.301
- Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	12.334.628.610	12.334.628.610
- Nhà máy Hóa dầu Long Sơn	57.475.030.280	71.880.454.280
- Nhà máy Nhiệt điện Văn Phong 1	24.217.628.855	32.807.422.502
- Trạm biến áp 220KV Yên Thủy	10.969.611.874	-
- Các công trình khác	24.775.620.807	4.460.554.029
	435.876.615.024	619.907.066.509

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (*)	35.609.189.360	35.579.511.953
- Dự án khu văn phòng Tổng Công ty tại đường vành đai 3 (*)	4.025.382.349	4.025.382.349
	39.634.571.709	39.604.894.302

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 192/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương sẽ hoàn trả lại 02 dự án trên, đối với các chi phí đã bỏ ra, Tổng Công ty sẽ làm việc với UBND Thành phố Hà Nội và UBND Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị được hoàn trả lại.

NG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu kỳ	87.582.752.216	14.258.403.905	287.244.214.346	6.837.063.834	5.530.020.719	401.452.455.020						
- Mua trong kỳ	-	-	-	527.534.091	273.700.000	801.234.091						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	23.527.000.000	-	-	23.527.000.000						
Số dư cuối kỳ	87.582.752.216	14.258.403.905	310.771.214.346	7.364.597.925	5.803.720.719	425.780.689.111						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu kỳ	46.104.929.964	10.084.071.743	269.613.181.215	6.528.389.567	4.694.244.503	337.024.816.992						
- Khấu hao trong kỳ	3.033.855.444	1.092.212.838	8.105.417.795	178.516.733	447.748.104	12.857.750.914						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	7.102.337.198	-	-	7.102.337.198						
Số dư cuối kỳ	49.138.785.408	11.176.284.581	284.820.936.208	6.706.906.300	5.141.992.607	356.984.905.104						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu kỳ	41.477.822.252	4.174.332.162	17.631.033.131	308.674.267	835.776.216	64.427.638.028						
Tại ngày cuối kỳ	38.443.966.808	3.082.119.324	25.950.278.138	657.691.625	661.728.112	68.795.784.007						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 213.520.630.630 đồng.

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	23.522.000.000	865.807.273	24.387.807.273
- Thuê tài chính	-	3.519.650.908	3.519.650.908
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(23.522.000.000)	-	(23.522.000.000)
Số dư cuối kỳ	-	4.385.458.181	4.385.458.181
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	6.566.558.311	493.417.047	7.059.975.358
- Trích khấu hao	535.778.887	278.787.108	814.565.995
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(7.102.337.198)	-	(7.102.337.198)
Số dư cuối kỳ	-	772.204.155	772.204.155
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	16.955.441.689	372.390.226	17.327.831.915
Tại ngày cuối kỳ	-	3.613.254.026	3.613.254.026

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	10.597.679.212	1.738.049.000	12.335.728.212
Số dư cuối kỳ	10.597.679.212	1.738.049.000	12.335.728.212
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	1.738.049.000	1.738.049.000
Số dư cuối kỳ	-	1.738.049.000	1.738.049.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	10.597.679.212	-	10.597.679.212
Tại ngày cuối kỳ	10.597.679.212	-	10.597.679.212

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.738.049.000 VND.

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 VND, khấu hao lũy kế tính đến ngày 31/12/2022 là 39.397.316.294 VND, khấu hao trong kỳ là 2.305.156.152 VND, giá trị còn lại của tài sản là 17.730.647.226 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	411.763.662	191.913.604
Chi phí trả trước Dự án lọc hóa dầu Long Sơn	8.959.713	36.681.815
Chi phí trả trước dự án Điện Văn Phong I	49.553.293	176.227.910
Chi phí trả trước các dự án khác	572.868.504	-
	1.043.145.172	404.823.329
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước cho thuê cầu	2.182.804.934	1.705.763.708
Chi phí trả trước cơ quan Tổng Công ty	1.947.279.568	331.885.441
Chi phí trả trước tại dự án Bắc Vinh	379.655.771	1.342.727.210
Chi phí trả trước dài hạn dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	-	8.254.754.812
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Văn Phong I	7.262.834.878	26.429.769.879
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Vũng Áng 2	2.599.296.272	-
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	36.386.734.528	-
Chi phí trả trước dài hạn dự án Gia công, Chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị điện phân (Dự án Nhà máy Hydrogen NEOM)	3.651.023.175	-
	54.409.629.126	38.064.901.050

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND nợ	VND	VND nợ
Bên liên quan	506.686.058.995	506.686.058.995	456.769.177.351	456.769.177.351
Công ty CP Lilama 5	30.457.223.548	30.457.223.548	37.604.399.577	37.604.399.577
Công ty CP Lilama 7	11.305.164.577	11.305.164.577	17.758.464.125	17.758.464.125
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	13.013.883.794	13.013.883.794	3.680.866.379	3.680.866.379
Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama	24.098.713.803	24.098.713.803	31.320.992.765	31.320.992.765
Công ty CP Tư vấn Quốc tế LHT	1.979.112.215	1.979.112.215	1.039.869.007	1.039.869.007
Công ty CP Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	21.310.654.063	21.310.654.063	23.986.950.676	23.986.950.676
Công ty CP Lilama 10	131.332.077.316	131.332.077.316	119.340.407.549	119.340.407.549
Công ty CP Lilama 18	238.291.552.313	238.291.552.313	194.997.425.450	194.997.425.450
Công ty CP Lilama 69.1	15.647.903.182	15.647.903.182	-	-
Công ty CP	19.249.774.184	19.249.774.184	27.039.801.823	27.039.801.823

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	1.537.370.830.058	1.537.370.830.058	3.360.790.362.561	3.360.790.362.561
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	135.740.996.273	135.740.996.273	1.877.305.117.153	1.877.305.117.153
- Babcock & Wilcox Beijing Co., Ltd	176.872.247.506	176.872.247.506	284.925.704.791	284.925.704.791
- Liên doanh Tập đoàn TOSHIBA và Tập đoàn SOJITZ	202.124.528.961	202.124.528.961	195.533.697.067	195.533.697.067
- Công ty CP xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	89.709.694.671	89.709.694.671	107.038.842.393	107.038.842.393
- Viện nghiên cứu cơ khí (NARIME)	80.831.056.359	80.831.056.359	93.209.010.165	93.209.010.165
- Phải trả các đối tượng khác	852.092.306.288	852.092.306.288	802.777.990.992	802.777.990.992
	<u>2.044.056.889.053</u>	<u>2.044.056.889.053</u>	<u>3.817.559.539.912</u>	<u>3.817.559.539.912</u>

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm cho Nhà máy thuộc Dự án Nhiệt điện BỐT Văn Phong 1	-	33.132.262.150
Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Ban Quản lý Dự án điện ^(*)	435.843.255.500	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.777.498.144	40.777.498.144
Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	16.072.639.158	31.604.484.770
Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA ^(**)	209.573.986.178	-
Các đối tượng khác	162.606.957.386	5.848.817.363
	<u>864.874.336.366</u>	<u>111.363.062.427</u>

^(*) Khoản tạm ứng của Chủ đầu tư là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP cho Tổng Công ty để thực hiện việc huy động nguồn lực và thiết kế theo hợp đồng Số 19/2022/NT34-08-PVP&SCT+LLM tháng 03 năm 2022 về thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

^(**) Khoản tạm ứng của Nhà thầu chính là Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng số 32017394 ngày 07 tháng 11 năm 2022 liên quan đến dự án gia công chế tạo và tổ hợp các thiết bị điện phần cho Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh tại Ả Rập Xê-út ("Kingdom of Saudi Arabia").

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	18.048.605.980	558.500.563	10.314.484.446	12.264.675.675	19.759.092.780	318.796.134
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.743.892.812	-	1.842.309.920	1.842.309.920	1.743.892.812	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.964.777.575	87.636.280	5.415.086.583	15.928.283.301	18.390.338.013	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	77.180.776	1.683.287.645	1.755.038.504	-	5.429.917
Thuế Nhà đất, tiền thuế đất	-	-	6.082.825.798	6.082.825.798	-	-
Các loại thuế khác	-	1.675.784.232	4.975.933.867	6.651.762.867	44.768	-
	27.757.276.367	2.399.101.851	30.313.928.259	44.524.896.065	39.893.368.373	324.226.051

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	869.443.533	966.707.253
- Dự án Nhiệt điện Vân Phong 1	193.880.814.520	61.666.160.829
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	108.832.877.647	108.832.877.647
- Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	53.426.357.721	95.105.962.451
- Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2	45.688.891.108	53.332.597.208
- Dự án Nhiệt điện Long Phú 1	7.937.324.462	7.937.324.462
- Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	79.465.294.966	14.042.561.248
- Dự án Nhiệt điện Barth Ấn Độ	9.347.532.525	9.347.532.525
- Chi phí phải trả khác	76.232.368.605	70.653.422.169
	575.680.905.087	421.885.145.792

Trong đó: Chi phí phải trả với bên liên quan

- Công ty Cổ phần Lilama 5	14.399.379.561	15.486.815.056
- Công ty Cổ phần Lilama 7	8.447.323.464	6.805.523.004
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	120.405.934	2.886.567.356
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	7.937.324.462	17.241.776.696
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	-	4.263.328.885
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.916.088.883	4.925.483.578
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	1.108.699.517	1.241.381.703
- Công ty Cổ phần Lilama 10	103.137.022.255	33.122.655.419
- Công ty Cổ phần Lilama 18	38.521.388.644	40.957.571.201
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	39.342.330.163	45.258.668.592
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	6.562.714.228	3.120.457.168
	221.492.677.111	175.310.228.658

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	170.607.273	133.134.546
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	638.611.460	638.611.460
	809.218.733	771.746.006
b) Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	14.992.019.851	15.630.631.311
	14.992.019.851	15.630.631.311

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

22 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.260.886.270	1.293.965.070
- Bảo hiểm xã hội	918.758.142	1.055.190.659
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	200.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.100.000	615.370.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	232.353.375	208.603.375
- Doosan Heavy Industries & Construction Co.,Ltd	1.084.365.940	1.013.623.569
- Hamon Research-Cottrell GmbH (*)	146.396.403.500	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.045.263.928	5.473.440.084
	<u>157.262.131.155</u>	<u>9.860.192.757</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	885.246.839	842.586.839
	<u>885.246.839</u>	<u>842.586.839</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 5	6.716.283	23.231.733
- Công ty Cổ phần Lilama 7	41.851.488	42.526.512
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	100.819.064	115.110.800
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	23.009.415	43.903.860
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	57.018.632	57.018.632
- Công ty Cổ phần Lilama 10	34.435.674	180.143.964
- Công ty Cổ phần Lilama 18	191.216.979	545.167.047
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	21.379.488	23.115.456
	<u>476.447.023</u>	<u>1.030.218.004</u>

(*) Khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ký kết với nhà thầu Hamon Research-Cottrell GmbH (Hamon) theo các gói thầu M05-FGD và M06-ESP với tổng số tiền 6.175.500 USD thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do chưa xác định được đầy đủ nghĩa vụ phải trả cũng như các chi phí có thể phát sinh liên quan đến Hamon, chủ đầu tư và các bên liên quan khác nên Tổng công ty chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng nêu trên. Đồng thời, Tổng Công ty đang theo dõi sát sao tình hình thực hiện thủ tục phá sản, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của Hamon để có các phương án giải quyết phù hợp.

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.129.121.496.548	1.129.121.496.548	1.682.064.810.363	2.075.373.208.226	735.813.098.685	735.813.098.685
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I ⁽¹⁾	850.696.244.239	850.696.244.239	1.240.626.285.449	1.553.792.933.275	537.529.596.413	537.529.596.413
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà ⁽²⁾	11.504.849.450	11.504.849.450	66.390.713.844	74.715.609.253	3.179.954.041	3.179.954.041
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long ⁽³⁾	266.920.402.859	266.920.402.859	375.047.811.070	446.864.665.698	195.103.548.231	195.103.548.231
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.763.543.900	1.763.543.900	1.021.151.810	1.974.801.706	809.894.004	809.894.004
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.617.137.500	1.617.137.500	-	1.617.137.500	-	-
- Công ty CTTC TNHH BIDV-SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁴⁾	146.406.400	146.406.400	1.021.151.810	357.664.206	809.894.004	809.894.004
	1.130.885.040.448	1.130.885.040.448	1.683.085.962.173	2.077.348.009.932	736.622.992.689	736.622.992.689
Nợ thuê tài chính dài hạn						
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	1.617.137.500	1.617.137.500	-	1.617.137.500	-	-
- Công ty CTTC TNHH BIDV-SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội ⁽⁴⁾	256.211.200	256.211.200	3.420.000.000	357.664.206	3.318.546.994	3.318.546.994
	1.873.348.700	1.873.348.700	3.420.000.000	1.974.801.706	3.318.546.994	3.318.546.994
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.763.543.900)	(1.763.543.900)	(1.021.151.810)	(1.974.801.706)	(809.894.004)	(809.894.004)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	109.804.800	109.804.800			2.508.652.990	2.508.652.990

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I chi tiết sau:
- (1.1) Hợp đồng cấp tín dụng số 02/2022/518/HĐTDHM ngày 21/03/2022 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 4.200.000.000.000 VND; Trong đó, dư nợ vay ngắn hạn, dư L/C, dư bảo lãnh thanh toán gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi tối đa là 2.700.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đối với Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2022;
 - + Lãi suất cho vay: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 122.805.742.484 VND;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (1.2) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/518/HĐTDHM ngày 07/01/2022 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 2.600.000.000.000 VND; Trong đó, dư nợ vay ngắn hạn, dư L/C, dư bảo lãnh thanh toán gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi tối đa là 1.200.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp; không bao gồm việc cấp tín dụng cho Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2022;
 - + Lãi suất cho vay: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 414.723.853.929 VND;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (2) Vay ngắn hạn từ ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2022/518/HĐTD ngày 05/01/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 31/12/2022;
 - + Lãi suất cho vay: được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.179.954.041 VND;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 20/2022/HĐTD/PHG ngày 25/04/2022, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 1.300.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình;
 - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 25/04/2023;
 - + Lãi suất cho vay: Được ghi trên từng Giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 195.103.548.231 VND;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: không có tài sản đảm bảo.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

(4.1) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21718000077/HĐCTTC ngày 20/07/2018 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Loại tài sản: xe ô tô;
- + Tổng giá trị nợ gốc: 732.032.000 VND;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: Lãi suất từng lần thông báo của bên cho thuê;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 109.804.800 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 109.804.800 VND;

(4.2) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000309/HĐCTTC ngày 11/08/2022 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Loại tài sản: xe ô tô;
- + Tổng giá trị nợ gốc: 680.000.000 VND;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 654.504.906 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 142.801.068 VND;

(4.3) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000308/HĐCTTC ngày 11/08/2022 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Loại tài sản: xe ô tô;
- + Tổng giá trị nợ gốc: 1.370.000.000 VND;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.277.118.644 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 278.644.068 VND;

(4.4) Khoản nợ thuê tài chính dài hạn từ Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000310/HĐCTTC ngày 11/08/2018 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Loại tài sản: xe ô tô;
- + Tổng giá trị nợ gốc: 1.370.000.000 VND;
- + Thời hạn thuê: 60 tháng;
- + Lãi suất: Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và biên độ là 2,9%;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.277.118.644 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 278.644.068 VND;

24 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	2.783.731.161	-
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	46.765.977.188	2.783.731.161
	<u>46.765.977.188</u>	<u>2.783.731.161</u>

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	797.261.040.000		69.632.200.000		36.825.784.090		903.719.024.090
Lãi trong kỳ trước	-		-		11.040.067.142		11.040.067.142
Phân phối lợi nhuận	-		6.589.770.000		(30.598.000.800)		(24.008.230.800)
Số dư cuối kỳ trước	797.261.040.000		76.221.970.000		17.267.850.432		890.750.860.432
Số dư đầu kỳ này	797.261.040.000		76.221.970.000		17.267.850.432		890.750.860.432
Lãi trong kỳ này	-		-		26.618.783.569		26.618.783.569
Phân phối lợi nhuận	-		1.656.010.000		(11.959.620.400)		(10.303.610.400)
Số dư cuối kỳ này	797.261.040.000		77.877.980.000		31.927.013.601		907.066.033.601

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 192/NQ-DHĐCĐ ngày 24/06/2022, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

	Số tiền
Trích Quỹ đầu tư phát triển	VND
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.656.010.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 1% vốn điều lệ)	2.000.000.000
	7.972.610.400



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Bộ Xây dựng	97,88%	780.324.040.000	97,88%	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12%	16.937.000.000	2,12%	16.937.000.000
	100%	797.261.040.000	100%	797.261.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	208.603.375	466.742.125
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	7.972.610.400	15.945.220.800
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	7.972.610.400	15.945.220.800
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(7.948.860.400)	(16.203.359.550)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(7.948.860.400)	(16.203.359.550)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	232.353.375	208.603.375

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	77.877.980.000	76.221.970.000
	77.877.980.000	76.221.970.000

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

- Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, diện tích tăng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m². Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công các dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	40.364.786,65	18.815.144,79
- Đồng Euro (EUR)	217.915,13	321,18

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	2.593.802.262.819	3.304.785.939.352
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.252.078.180	76.714.211.927
Doanh thu bán hàng hóa	5.110.194.000	6.616.002.099
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản (*)	15.993.180.000	-
	<u>2.692.157.714.999</u>	<u>3.388.116.153.378</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	<u>51.252.844.982</u>	<u>48.086.753.117</u>

(*) Trong năm, Tổng Công ty bán các hàng tồn kho là căn hộ chung cư thuộc dự án Khu đô thị NEW HORIZON CITY, số 87 đường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cho các nhà đầu tư khác.

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	2.558.857.088.366	3.175.328.724.861
Giá vốn cung cấp dịch vụ	76.471.552.672	65.631.731.444
Giá vốn bán hàng hóa	5.110.194.000	6.616.002.099
Giá vốn bán hàng hóa bất động sản	12.997.882.416	-
	<u>2.653.436.717.454</u>	<u>3.247.576.458.404</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)		
Tổng giá trị mua vào:	<u>1.022.539.658.979</u>	<u>1.700.646.666.952</u>

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	46.766.906.458	27.456.187.958
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.068.476.000	5.926.347.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	46.273.036.996	3.660.351.713
Lãi trả chậm	272.564.670	10.147.829.237
	128.380.984.124	47.190.716.408
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	43.604.736.531	20.457.892.313

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	60.743.455.617	83.579.275.227
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	876.194.693	14.636.378.875
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	20.925.333.260	181.012.993
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	30.190.474.410	(1.008.177.679)
Dự phòng lãi vay khó đòi	12.001.260.531	12.613.715.121
Chi phí tài chính khác	128.655.441	98.765.793
	124.865.373.952	110.100.970.330

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	392.152.849	697.996.065
Chi phí nhân công	35.423.776.572	34.082.295.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.602.996.132	4.705.342.869
Thuế, phí, lệ phí	1.660.858.487	33.709.337
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)	(48.550.627.764)	14.331.952.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.619.544.177	8.582.746.904
Chi phí khác bằng tiền	6.571.676.931	3.815.308.471
	7.720.377.384	66.249.351.981
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	510.303.030	714.952.726

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	11.718.754.818
Thu nhập khác phục sự cố của nhà thầu phụ	92.000.000	1.395.896.124
Thu nhập khác	45.171.717	221.885.436
	137.171.717	13.336.536.378
Trong đó: Thu từ bên liên quan bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	56.000.000	-

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	2.616.270.194	13.873.278
Chi phí khác	3.261.704	561.038.443
	2.619.531.898	574.911.721

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29.253.461.897	22.229.257.188
Các khoản điều chỉnh tăng	2.619.531.898	54.507.266.702
- Chi phí không hợp lệ	2.619.531.898	13.873.278
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	24.248.483.750
- Lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	-	23.030.509.674
- Chênh lệch tạm thời khi tính thuế ^(*)	-	7.214.400.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(69.916.036.570)	(5.926.347.500)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(35.068.476.000)	(5.926.347.500)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(34.847.560.570)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(38.043.042.775)	70.810.176.390
Chi phí thuế TNDN hiện hành của HĐKD chính (thuế suất 20%)	-	14.162.035.278
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	4.859.004.932	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(7.964.777.575)	(15.126.812.853)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(15.000.000.000)	(7.000.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD chính	(18.105.772.643)	(7.964.777.575)
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	2.780.408.255	1.912.456.540
Thu nhập tính thuế TNDN	2.780.408.255	1.912.456.540
Chi phí thuế TNDN hiện hành của hoạt động kinh doanh bất động sản (thuế suất 20%)	556.081.651	382.491.308
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	87.636.280	(294.855.028)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(928.283.301)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	(284.565.370)	87.636.280
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành của toàn bộ hoạt động kinh doanh	5.415.086.583	14.544.526.586
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(18.390.338.013)	(7.877.141.295)

(*) Là khoản chênh lệch giữa số trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty với khoản đầu tư tại Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (Mã CK: PVY) theo quy định của chuẩn mực kế toán và số trích lập dự phòng theo thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (dự phòng khoản đầu tư)	2.310.240.000	2.310.240.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.310.240.000	2.310.240.000

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.459.056.251	11.143.305.215
Chi phí nhân công	152.227.452.554	137.284.146.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.977.473.061	19.127.147.425
Trích lập dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng	(48.550.627.764)	14.331.952.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.258.756.721	114.587.648.399
Chi phí thuế thu nhập	2.059.485.342.466	3.182.166.711.332
Chi phí khác bằng tiền	66.161.113.648	55.341.463.062
	2.459.018.566.937	3.533.982.374.605

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.420.685.397.568	-	-	2.420.685.397.568
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.016.292.370.781	8.742.000.000	-	1.025.034.370.781
	<u>3.436.977.768.349</u>	<u>8.742.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.445.719.768.349</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.156.786.185.220	-	-	1.156.786.185.220
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.220.860.638.636	8.571.000.000	-	3.229.431.638.636
	<u>4.377.646.823.856</u>	<u>8.571.000.000</u>	<u>-</u>	<u>4.386.217.823.856</u>



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	736.622.992.689	2.508.652.990	-	739.131.645.679
Phải trả người bán, phải trả khác	2.201.319.020.208	885.246.839	-	2.202.204.267.047
Chi phí phải trả	575.680.905.087	-	-	575.680.905.087
	<u>3.513.622.917.984</u>	<u>3.393.899.829</u>	<u>-</u>	<u>3.517.016.817.813</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	1.130.885.040.448	109.804.800	-	1.130.994.845.248
Phải trả người bán, phải trả khác	3.827.419.732.669	842.586.839	-	3.828.262.319.508
Chi phí phải trả	421.885.145.792	-	-	421.885.145.792
	<u>5.380.189.918.909</u>	<u>952.391.639</u>	<u>-</u>	<u>5.381.142.310.548</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết số 198/NQ-HĐQT ngày 27/06/2022 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về phương án giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD (Lilama Sea) như sau:

- Mức giảm vốn điều lệ: giảm từ 3,8 triệu BND xuống 1,0 triệu BND;
- Thời gian giảm vốn: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 phê duyệt;
- Hình thức hoàn trả vốn: Thực hiện bằng chuyển khoản qua Ngân hàng bằng USD, theo tỷ lệ vốn của các cổ đông tại thời điểm góp vốn.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

106
 CÔNG
 IG
 M
 T N
 JNG

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Bán hàng hóa	Hoạt động xây lắp, dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	21.103.374.000	2.671.054.340.999	2.692.157.714.999
Chi phí hoạt động	18.108.076.416	2.635.328.641.038	2.653.436.717.454
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.995.297.584	35.725.699.961	38.720.997.545
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	801.234.091	801.234.091
Tài sản bộ phận trực tiếp	42.671.922.333	5.400.985.803.766	5.443.657.726.099
Tổng tài sản	42.671.922.333	5.400.985.803.765	5.443.657.726.099
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	35.563.735.124	4.501.302.449.814	4.536.866.184.938
Tổng nợ phải trả	35.563.735.124	4.501.302.449.814	4.536.866.184.938

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.685.818.094.782	6.339.620.217	2.692.157.714.999
Tài sản bộ phận	5.379.321.386.099	64.336.340.000	5.443.657.726.099
Tổng chi phí mua TSCĐ	801.234.091	-	801.234.091

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 7	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Công ty con
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty	Điều hành Tổng Công ty

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Cung cấp hàng hóa, dịch vụ	51.252.844.982	48.086.753.117
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	6.339.620.217	2.484.911.679
Công ty Cổ phần Lilama 5	216.363.468	1.016.465.814
Công ty Cổ phần Lilama 7	17.493.442	1.146.345.339
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	500.572.800	1.606.355.664
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	3.057.776	430.469.879
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	9.690.584	302.457.856
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	7.045.337	91.593.805
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	164.234.240	163.235.200
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	115.790.654	186.937.509
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.158.612.652	10.361.671.253
Công ty Cổ phần Lilama 18	17.746.005.577	18.728.825.683
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	16.968.108.529	6.272.749.861
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	6.006.249.706	5.294.733.575
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.023.049.962.009	1.700.646.666.952
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	8.955.883.391	3.687.821.476
Công ty Cổ phần Lilama 5	38.329.249.578	56.294.876.431
Công ty Cổ phần Lilama 7	10.922.527.736	16.821.698.777
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	22.364.536.883	34.480.532.925
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	10.194.127.637	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	6.991.922.983	10.654.727.011
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	21.668.748.728	30.740.824.341
Công ty Cổ phần Lilama 10	231.547.512.774	363.490.853.668
Công ty Cổ phần Lilama 18	535.818.584.003	804.120.787.037
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	132.121.455.927	343.317.494.571
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	4.135.412.369	37.037.050.715
Cổ tức được chia	31.603.476.000	5.926.347.500
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.560.400.000	3.560.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	3.041.932.500	2.365.947.500
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	25.001.143.500	-
Lãi cho vay, lãi trả chậm	12.001.260.531	14.531.544.813
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	9.615.640.205	10.228.094.795
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.385.620.326	2.385.620.326
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	-	1.917.829.692
Thu nhập khác từ phạt sự cố của Nhà thầu phụ	56.000.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 10	15.000.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 18	15.000.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	14.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	10.000.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 5	2.000.000	-

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

<u>Thu nhập của Hội đồng quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	516.000.000	516.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	84.000.000	42.000.000

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

<u>Thu nhập của Ban Tổng giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	564.000.000	564.000.000
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm ngày 01/05/2022)	128.000.000	384.000.000
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	468.000.000	468.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	384.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	468.000.000	468.000.000
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 25/07/2022)	330.640.000	262.645.000

<u>Thu nhập của Ban Kiểm soát</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	360.000.000	360.000.000
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lại Việt Tân
Người lập



Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng



Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-06
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	07-50
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07-09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11-12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13-50
Phụ lục số 01: Các khoản Vay ngắn hạn	51-52
Phụ lục số 02: Các khoản Vay dài hạn	53



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/07/2022
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2022
Ông Tô Phi Sơn	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bùi Đức Kiên

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Tổng Giám đốc



Số: 300323.038/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được lập ngày 30 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Các vấn đề ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất phát sinh tại các Công ty con

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 31/12/2022 tại các công ty con của Tổng Công ty bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, Công ty Cổ phần Lilama 5 và Công ty Cổ phần Lilama 7 ghi nhận một số khoản phải thu quá hạn thanh toán với tổng giá trị là 50,84 tỷ đồng. Tuy nhiên, chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán về đánh giá của Ban Tổng Giám đốc cũng như các tài liệu khác có liên quan về khả năng thu hồi các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty.

Hàng tồn kho

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và tồn thất (nếu có) của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các công ty con của Tổng Công ty, bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama, Công ty Cổ phần Lilama 5 và Công ty Cổ phần Lilama 7 với tổng số tiền tại thời điểm 31/12/2022 là 311,45 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cũng như những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty.

Một số vấn đề khác

Tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 Công ty con của Tổng Công ty - Công ty Cổ phần Lilama 5 đang phản ánh chi phí phải trả lãi vay với số tiền lần lượt 60,65 tỷ đồng và 74,01 tỷ đồng, trong đó, chi phí lãi vay trong năm 2022 là 13,41 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp để làm cơ sở xác định tính chính xác và đầy đủ của chi phí lãi vay ghi nhận trong năm nay và các năm trước của Công ty con này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" tại thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 và chỉ tiêu "Chi phí tài chính" trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty. Mặt khác, tại Công ty con này, chúng tôi chưa thu thập được xác nhận khoản vay tại ngày 01/01/2022 và tại ngày 31/12/2022 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bim Sơn với cùng số tiền là 183,38 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của số dư các khoản mục nêu trên trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2022 và ngày 31/12/2022 cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của số dư các khoản mục phải thu và phải trả tại thời điểm 31/12/2022 tại Công ty con - Công ty Cổ phần Lilama 7 với số tiền lần lượt là 18,49 tỷ đồng và 3,49 tỷ đồng cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Tại Công ty con - Công ty Cổ phần Lilama 7 đang trình bày trên khoản mục "chi phí trả trước dài hạn" tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 với số tiền lần lượt là 12,67 tỷ đồng và 11,12 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi vẫn không thể đánh giá được sự phù hợp của số liệu nêu trên đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty;

2. Các vấn đề ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất phát sinh tại các Công ty liên kết

Tổng Công ty đang trình bày báo cáo tài chính của các Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như trình bày tại Thuyết minh số 2.9 - Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, các Báo cáo tài chính năm 2022 được Tổng Công ty sử dụng để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm Công ty Cổ phần Lilama 45-1, Công ty Cổ phần Lilama 45-3, Công ty Cổ phần Lilama 69-1, Công ty Cổ phần Lilama 69-3 và Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama chưa xử lý các vấn đề kiểm toán viên đơn vị thành viên ngoại trừ trên Báo cáo tài chính tại các đơn vị này. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các vấn đề ngoại trừ trên báo cáo tài chính của các đơn vị nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) đối với khoản mục "Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết" (Mã số 252 trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất) tại ngày 31/12/2022 và Chỉ tiêu "Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết" (Mã số 24 trên Báo cáo Kết quả Hoạt động kinh doanh Hợp nhất) năm 2022 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc nội dung sau:

Tại thuyết minh số 2.3 - "Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất", đến thời điểm phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của Chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

11
CÓ
H
G
A
M
C
L
VI
H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.330.719.426.936	6.451.439.189.637
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.600.575.993.302	1.228.695.716.313
111	1. Tiền		1.248.791.099.967	617.710.822.978
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.351.784.893.335	610.984.893.335
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	-	3.463.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	3.463.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.937.130.886.138	4.158.851.652.951
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.464.920.812.300	3.883.571.203.508
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	845.722.914.970	702.346.331.566
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	369.258.814.323	377.105.669.770
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	450.834.156.291	418.594.913.752
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.193.605.811.746)	(1.222.766.465.645)
140	IV. Hàng tồn kho	10	737.384.814.937	972.473.684.510
141	1. Hàng tồn kho		737.384.814.937	972.473.684.510
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		55.627.732.559	87.955.135.863
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	1.352.266.949	528.168.426
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14.382.097.237	59.612.558.417
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	39.893.368.373	27.814.409.020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		872.871.428.381	941.696.069.684
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.826.300.000	8.655.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.826.300.000	8.655.300.000
220	II. Tài sản cố định		148.889.217.238	170.103.492.240
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	127.516.818.342	134.726.377.065
222	- Nguyên giá		732.825.090.289	737.595.241.489
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(605.308.271.947)	(602.868.864.424)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	5.118.541.849	19.123.258.128
225	- Nguyên giá		6.996.703.636	26.999.052.728
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.878.161.787)	(7.875.794.600)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	16.253.857.047	16.253.857.047
228	- Nguyên giá		18.370.095.231	18.370.095.231
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.116.238.184)	(2.116.238.184)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	15	17.730.647.226	20.035.803.378
231	- Nguyên giá		57.127.963.520	57.127.963.520
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(39.397.316.294)	(37.092.160.142)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	40.813.662.754	40.772.441.347
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		40.813.662.754	40.772.441.347
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	577.084.778.728	633.267.891.386
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		343.608.509.587	397.790.480.667
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.227.056.322	255.227.056.322
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(22.070.787.181)	(20.069.645.603)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		320.000.000	320.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		79.526.822.435	68.861.141.333
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	79.473.396.765	68.749.294.733
269	2. Lợi thế thương mại		53.425.670	111.846.600
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>6.203.590.855.317</u>	<u>7.393.135.259.321</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.223.247.749.154	6.341.962.720.528
310	I. Nợ ngắn hạn		5.148.493.096.356	6.319.206.855.688
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	2.086.359.035.446	3.872.928.488.864
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	866.164.504.072	114.525.199.603
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	23.223.836.855	36.238.779.993
314	4. Phải trả người lao động		42.215.523.529	41.193.087.061
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	639.303.971.820	518.896.661.737
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	851.718.733	771.746.006
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	260.995.300.812	97.949.242.703
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	1.120.781.960.877	1.530.803.614.010
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	48.082.674.744	38.137.116.243
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		60.514.569.468	67.762.919.468
330	II. Nợ dài hạn		74.754.652.798	22.755.864.840
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	1.588.264.113	1.588.264.113
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	14.992.019.851	15.630.631.311
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	885.246.839	842.586.839
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	2.607.003.009	601.554.815
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		7.916.141.798	1.309.096.601
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn	23	46.765.977.188	2.783.731.161
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		980.343.106.163	1.051.172.538.793
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	980.617.598.603	1.051.743.061.233
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		797.261.040.000	797.261.040.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		797.261.040.000	797.261.040.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.126.365.735	1.694.624.230
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(32.374.321.082)	(32.374.321.082)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(10.769.674.741)	(9.525.377.644)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		83.788.875.172	86.487.906.779
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		18.290.851	18.290.851
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		174.565.947.786	211.898.465.556
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước		199.813.259.693	196.864.018.111
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(25.247.311.907)	15.034.447.445
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(32.998.925.118)	(3.717.567.457)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		(274.492.440)	(570.522.440)
431	1. Nguồn kinh phí		(274.492.440)	(570.522.440)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.203.590.855.317	7.393.135.259.321

[Signature]

[Signature]



Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

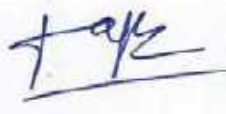
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	2.892.079.411.149	3.826.141.768.019
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.892.079.411.149	3.826.141.768.019
11	4. Giá vốn hàng bán	28	2.801.850.410.109	3.634.336.134.520
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		90.229.001.040	191.805.633.499
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	116.789.688.415	59.644.779.509
22	7. Chi phí tài chính	30	134.243.523.350	150.621.263.275
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		90.718.559.111	119.162.531.396
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(54.181.971.080)	(996.902.049)
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	40.380.743.779	106.437.738.807
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.787.548.754)	(6.605.491.123)
31	12. Thu nhập khác	32	7.462.310.760	21.489.747.597
32	13. Chi phí khác	33	14.501.244.635	6.768.471.736
40	14. Lợi nhuận khác		(7.038.933.875)	14.721.275.861
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(28.826.482.629)	8.115.784.738
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	18.772.823.326	28.141.034.156
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		6.664.766.571	(617.985.163)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(54.264.072.526)	(19.407.264.255)
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(25.247.311.907)	15.034.447.445
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(29.016.760.619)	(34.441.711.700)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	(317)	189



Lại Việt Tân
Người lập



Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng




Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(28.826.482.629)	8.115.784.738
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		24.870.770.683	32.692.793.883
03	- Các khoản dự phòng		26.768.292.207	41.638.486.384
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		20.924.862.947	181.012.993
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(8.357.625.060)	(59.805.046.189)
06	- Chi phí lãi vay		90.718.559.111	119.162.531.396
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		126.098.377.259	141.985.563.205
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.346.353.074.051	789.656.045.619
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		235.088.869.573	(219.311.350.611)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải)		(849.582.772.710)	(262.741.317.586)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(11.548.200.555)	54.821.970.755
14	- Tiền lãi vay đã trả		(63.508.806.668)	(103.525.212.757)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(30.189.840.248)	(7.941.328.142)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.231.367.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.572.408.372)	(11.701.381.018)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.743.369.659.330	381.242.989.465
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.505.995.294)	(1.290.713.318)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		5.337.414.522	18.740.818.809
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.309.855.447	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		40.848.836.019	20.950.392.455
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		52.990.110.694	38.400.497.946

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.700.153.464.380	2.555.440.088.045
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.105.801.467.617)	(2.624.035.981.488)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(2.368.201.702)	(3.380.681.400)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.948.860.400)	(16.203.359.550)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(415.965.065.339)	(88.179.934.393)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.380.394.704.685	331.463.553.018
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.228.695.716.313	895.879.299.471
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.514.427.696)	1.352.863.824
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>2.600.575.993.302</u>	<u>1.228.695.716.313</u>

Lại Việt Tân
Người lập

Tô Phi Sơn
Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.

Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng, được thành lập theo quyết định số 999/BXD - TCLĐ ngày 01/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và hoạt động theo mô hình Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/09/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần hai ngày 06/04/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV chính thức chuyển sang Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 797.261.040.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 797.261.040.000 VND; tương đương 79.726.104 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.204 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 1.375 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là thi công và xây lắp các công trình.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất, kinh doanh và xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển xây dựng của Nhà nước bao gồm các lĩnh vực thi công và lắp đặt thiết bị máy móc;
- Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình đường dây trạm biến thế;
- Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Kinh doanh bất động sản, du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí; kinh doanh vận tải hàng hóa và các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công vận tải;
- Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chỉ hoạt động trong phạm vi lĩnh vực ngành nghề đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án, cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền vận tải đường sông, đường biển;

Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính cơ lý của vật liệu;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất của Tổng công ty và ngoài xã hội, đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn, đào tạo và thực hiện việc đưa lao động Việt Nam (trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- Kinh doanh, sản xuất vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động hóa, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các hãng trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, ngoại trừ một số hạng mục của công trình đặc thù của hoạt động xây lắp, đầu tư bất động sản có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	Brunei	99,00%	99,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 5	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 7	Đà Nẵng	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama	Ninh Bình	51,00%	51,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Quốc tế LHT	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn thiết kế các nhà máy công nghiệp

- Tổng Công ty có các công ty liên kết được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Lilama 10	Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 18	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Bắc Ninh	41,10%	41,10%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Hải Dương	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	Hà Nội	45,45%	45,45%	Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Quảng Ngãi	40,83%	40,83%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Hà Nội	36,18%	36,18%	Thí nghiệm kiểm tra các dây chuyền công nghệ
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	TP. Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Đồng Nai	35,06%	35,06%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Hà Nội	27,93%	27,93%	Kinh doanh bất động sản

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam - CTCP được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1036/QĐ-TTg ngày 10/07/2015 của Thủ Tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Đến thời điểm lập báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang được tiếp tục thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của Cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị vốn hóa Nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty Cổ phần.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Cơ sở chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con

Công ty TNHH Lilama South East Asia BHD - Công ty con của Tổng Công ty lập báo cáo tài chính theo đồng Đô la Brunei (BND). Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty theo luật định tại Việt Nam, Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2022 được lập bằng Đô la Brunei (BND) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ là tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chi tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 317 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Tổng Công ty sẽ đánh giá tồn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các chế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.13 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
--------------------------	-------------

2.14 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.15 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 60 tháng.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí trích trước giá vốn các dự án... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập tối đa 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.



2.22 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.23 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.24 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.25 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

100
CÓ
CH
NG
A
N K
1010
TỔ
NG
P
T
TR

2.26 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31/12/2022.

Thuế suất thuế TNDN tại Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD được áp dụng theo quy định của nước sở tại.

2.28 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.29 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.30 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.985.091.603	1.483.201.453
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.246.806.008.364	616.227.621.525
Các khoản tương đương tiền	1.351.784.893.335	610.984.893.335
	<u>2.600.575.993.302</u>	<u>1.228.695.716.313</u>

Tại 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng với giá trị 1.351.784.893.335 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng hợp đồng.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>31/12/2022</u>		<u>01/01/2022</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	-	-	3.463.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	3.463.000.000	-
Đầu tư dài hạn	320.000.000	-	320.000.000	-
- Trái phiếu	320.000.000	-	320.000.000	-
	<u>320.000.000</u>	<u>-</u>	<u>3.783.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCF

124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Dịa chỉ				
			Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
			VND	VND
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	36,00%	36,00%	7.259.325.983	15.561.751.611
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	40,83%	40,83%	12.544.361.008	15.796.737.939
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	35,06%	35,06%	-	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	27,93%	27,93%	30.176.914.969	30.141.836.924
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thi nghiệm Cơ điện	36,18%	36,18%	10.413.621.328	11.405.680.816
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Công nghệ Lilama	45,45%	45,45%	959.438.031	959.438.031
- Công ty Cổ phần Lilama 10	36,00%	36,00%	95.953.805.096	94.406.724.269
- Công ty Cổ phần Lilama 18	36,00%	36,00%	127.252.412.487	125.885.346.557
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	41,10%	41,10%	30.250.391.874	58.755.103.533
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	36,00%	36,00%	28.798.238.811	44.877.860.987
			343.608.509.587	397.790.480.667



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP
124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022		
	Mã chứng khoán	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PVY	19.799.036.703	(19.799.036.703)	19.799.036.703	(19.799.036.703)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)		2.165.892.592	(33.884.148)	2.165.892.592	(33.884.148)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	HNA	85.696.088.606	-	85.696.088.606	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao		35.716.560.384	-	35.716.560.384	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long		16.169.971.505	(2.237.866.330)	16.169.971.505	(236.724.752)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama		92.816.340.337	-	92.816.340.337	-
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama		2.863.166.195	-	2.863.166.195	-
		255.227.056.322	(22.070.787.181)	255.227.056.322	(20.069.645.603)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Đối với các khoản đầu tư đã niêm yết, do các cổ phiếu của các đơn vị nhận đầu tư này có khối lượng giao dịch ít trên sàn chứng khoán, không có tính thanh khoản nên Tổng Công ty không xác định giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 của các công ty này là giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	4,03%	4,03%	Xây lắp
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt (Lilama SHB)	Tỉnh Đà Nẵng	2,00%	2,00%	Xây dựng
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	Tỉnh Nghệ An	3,71%	3,71%	Thủy điện
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	Tỉnh Phú Thọ	18,74%	18,74%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	Tỉnh Quảng Ninh	0,71%	0,71%	Sản xuất xi măng
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama	TP. Hà Nội	15,25%	15,25%	Xây dựng và kinh doanh
- Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama	Tỉnh Quảng Ngãi	5,64%	5,64%	Xử lý, tái chế chất thải



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	55.297.303.272	(3.652.723.164)	60.903.155.551	(3.651.641.764)
Công ty CP Lilama 45.1	14.649.060.851	(140.746.206)	14.638.595.020	(140.746.206)
Công ty CP Lilama 10	5.608.220.791	-	4.762.166.655	-
Công ty CP Lilama 69.3	23.170.487.637	-	30.120.539.859	-
Công ty CP Lilama 18	4.545.937.522	-	4.523.428.220	-
CTCP Lilama 45.4	3.511.976.958	(3.511.976.958)	3.511.976.958	(3.510.895.558)
CTCP Lilama 45.3	2.682.041.107	-	2.674.432.143	-
CTCP Lilama 69.1	631.003.768	-	631.003.768	-
Công ty CP BĐS Lilama	-	-	1.412.928	-
Công ty CP Lắp máy -Thí nghiệm Cơ điện	78.600.000	-	39.600.000	-
Công ty CP Lilama 69.1	419.974.638	-	-	-
<i>Bên khác</i>	1.409.623.509.028	(416.288.482.543)	3.822.668.047.957	(458.791.281.347)
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1 - PVN	163.490.754.225	-	2.534.603.447.042	-
- Ban điều hành dự án nhiệt điện Thái Bình 2	367.344.135.007	(271.604.863.316)	481.752.362.583	(340.238.613.776)
- Thyssenkrupp Industrial Solutions BRN SDN BHD	5.321.650.344	-	129.950.898.788	-
- Công ty CP Xi măng Sông Thao	66.510.764.847	(66.510.764.847)	70.484.307.105	(70.484.307.105)
- Công ty CP Xi măng Tân Thắng	50.967.361.316	(25.003.080.326)	64.168.361.316	-
- Doosan Heavy Industries Vietnam Co Ltd- Nghị Sơn 2	144.038.249.082	-	97.897.400.000	-
- Thủ chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm cho Nhà máy thuộc DA NĐ BOT Vân Phong	104.026.370.668	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	507.924.223.539	(53.169.774.054)	443.811.271.123	(48.068.360.466)

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	51.583.794.060	(3.935.088.816)	51.379.986.976	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	38.742.982.119	-	35.964.881.678	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	11.431.018.327	(3.935.088.816)	11.431.018.327	-
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	1.409.793.614	-	1.409.793.614	-
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	-	-	2.574.293.357	-
Bên khác	794.139.120.910	(86.936.450.938)	650.966.344.590	(81.692.405.491)
- Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng	453.752.587.741	-	453.752.587.741	-
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Vũng Áng	46.716.011.731	-	35.964.881.678	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	293.670.521.438	(86.936.450.938)	161.248.875.171	(81.692.405.491)
	845.722.914.970	(90.871.539.754)	702.346.331.566	(81.692.405.491)

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	127.638.806.430	(127.638.806.430)	135.485.661.877	(135.485.661.877)
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	102.014.527.975	(102.014.527.975)	109.861.383.422	(109.861.383.422)
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	25.624.278.455	(25.624.278.455)	25.624.278.455	(25.624.278.455)
Bên khác	241.620.007.893	(241.620.007.893)	241.620.007.893	(241.620.007.893)
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	(227.646.699.893)	227.646.699.893	(227.646.699.893)
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	(13.973.308.000)	13.973.308.000	(13.973.308.000)
	369.258.814.323	(369.258.814.323)	377.105.669.770	(377.105.669.770)

Bao gồm các khoản cho vay với các đối tác từ giai đoạn trước thời điểm cổ phần hóa với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức vay tín chấp. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản cho vay này.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
- Phải thu về cổ phần hóa	200.000.000	-	200.000.000	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.620.445.290	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay ⁽¹⁾	261.948.051.104	(256.142.857.109)	245.886.520.252	(244.141.596.578)
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	139.845.378	-	-	-
- Tạm ứng	38.154.648.810	-	19.184.842.036	-
- Ký cược, ký quỹ	225.738.984	-	2.144.792.953	-
- Phải thu tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư ⁽²⁾	42.872.855.944	-	45.937.813.423	-
- Liên danh PECOM-LILAMA (Trạm Kim Xá) ⁽³⁾	1.803.629.070	-	-	-
- Phải thu khác	101.868.941.711	(54.259.406.653)	102.108.956.888	(54.251.882.495)
	450.834.156.291	(313.534.251.962)	418.594.913.752	(301.525.467.273)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	74.235.003.311	(73.719.811.221)	61.725.033.290	(61.718.550.690)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	3.131.988.200	(3.131.988.200)	3.131.988.200	(3.131.988.200)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	58.951.191.922	(58.951.191.922)	49.335.551.717	(49.335.551.717)
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	11.643.113.699	(11.636.631.099)	9.257.493.373	(9.251.010.773)
- Công ty Cổ phần Lilama 10	4.822.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Lilama 18	10.126.200	-	-	-
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	5.304.200	-	-	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	488.457.090	-	-	-

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	376.599.152.980	(239.814.440.741)	356.869.880.462	(239.806.916.583)
- Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội	75.867.468.383	(75.867.468.383)	75.867.468.383	(75.867.468.383)
- Công ty Cổ phần LISEMCO	144.224.764.335	(144.066.231.662)	144.224.764.335	(144.066.231.662)
- Hamon Research-Cottrell GmbH ⁽⁴⁾	9.787.321.680	-	9.787.321.680	-
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông - Chi nhánh Hà Nội	8.330.407.947	(8.330.407.947)	8.330.407.947	(8.330.407.947)
- Các đối tượng khác	138.389.190.635	(11.550.332.749)	118.659.918.117	(11.542.808.591)
	450.834.156.291	(313.534.251.962)	418.594.913.752	(301.525.467.273)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	8.826.300.000	-	8.655.300.000	-
	8.826.300.000	-	8.655.300.000	-

⁽¹⁾ Khoản phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay chủ yếu của các khoản cho vay của các đối tác được trình bày tại thuyết minh số 07- phải thu về cho vay ngắn hạn.

⁽²⁾ Đây là khoản ứng trước của Tổng Công ty để nộp tiền quyền sử dụng đất tại tòa nhà chung cư 21 tầng tại ngõ 124 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tổng Công ty sẽ thu lại khoản tiền này của các cư dân chung cư khi hoàn thành các thủ tục cấp sổ hồng.

⁽³⁾ Đây là số tiền Tổng Công ty được phép giải ngân từ tài khoản thanh toán chung (chuyên chi) của Liên danh Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Bom Châu Âu ("PECOM" - thành viên đứng đầu liên danh) mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An được sử dụng để nhận thanh toán từ Chủ đầu tư và thanh toán cho các nhà thầu phụ/chỉ phí của từng thành viên của liên danh trong cho việc thực hiện gói thầu CW03: "Cung cấp, lắp đặt thiết bị, xây dựng hệ thống tiêu trạm bom Kim Xá và công trình phụ trợ".

⁽⁴⁾ Khoản tiền Thuế nhập khẩu Tổng Công ty đứng ra trả thay cho Nhà thầu liên quan đến dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, khi quyết toán với Nhà thầu sẽ bù trừ số tiền này với số tiền Tổng Công ty phải trả.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
a. Phải thu khách hàng				
- Ban điều hành Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	367.344.135.007	95.739.271.691	481.752.362.583	141.513.748.807
- Công ty Cổ phần Xi măng Sông Thao	66.510.764.847	-	70.484.307.105	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Vàng	15.097.651.580	-	15.097.651.580	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	9.043.466.795	-	9.043.466.795	-
- Công ty Cổ phần Xi măng Tân Thắng	50.967.361.316	25.964.280.990	-	-
- Các khoản khác	34.147.624.826	1.466.245.983	42.439.652.343	14.860.768.488
b. Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	13.973.308.000	-	13.973.308.000	-
- Công ty CP Lilama 45.1	102.014.527.975	-	109.861.383.422	-
- Công ty CP Lilama 45.3	25.624.278.455	-	25.624.278.455	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	227.646.699.893	-	227.646.699.893	-
c. Phải thu ngắn hạn khác				
- Công ty Cổ phần Phú Mỹ Trung Việt	11.128.889.942	-	11.112.235.998	-
- Công ty Cổ phần Lisemco	144.066.231.662	-	144.066.231.662	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	75.867.468.383	-	75.867.468.383	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	58.951.191.922	-	49.335.551.717	-
- Công ty CP Lilama 45.3	11.636.631.099	-	9.251.010.773	-
- Công ty CP Lilama 45.4	3.131.988.200	-	3.131.988.200	-
- Các khoản khác	8.751.850.754	-	8.760.980.540	-
d. Ứng trước cho người bán				
- Công ty Cổ phần Lisemco	66.898.435.509	-	66.898.435.509	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	22.343.291.198	10.282.285.778	12.061.005.420	-
- Các khoản khác	17.819.649.512	5.907.550.687	2.732.964.562	-
	<u>1.332.965.446.875</u>	<u>139.359.635.129</u>	<u>1.379.140.982.940</u>	<u>156.374.517.295</u>

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.435.150.083	-	4.967.018.913	-
Công cụ, dụng cụ	5.992.677.435	-	3.053.184.641	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	722.044.699.341	-	945.543.310.462	-
Thành phẩm	306.831.250	-	306.831.250	-
Hàng hoá	5.605.456.828	-	18.603.339.244	-
	737.384.814.937	-	972.473.684.510	-

(*) Chi tiết các dự án dở dang:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	418.480.846.429	460.464.818.787
- Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	7.422.846.362	37.959.188.301
- Nhà máy hóa dầu Long Sơn	57.475.030.280	71.880.454.280
- Nhà máy Nhiệt điện Văn Phong 1	31.043.824.592	32.807.422.502
- Trạm biến áp 220KV Yên Thủy	12.843.699.126	-
- Các công trình khác	194.778.452.552	342.431.426.592
	722.044.699.341	945.543.310.462

11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án Nhà hỗn hợp cao tầng ở và làm việc tại Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh (*)	35.609.189.360	35.579.511.953
- Dự án khu văn phòng Tổng Công ty tại đường vành đai 3 (*)	4.025.382.349	4.025.382.349
- Cải tạo nhà xưởng điều chuyển nhà máy que hàn	1.179.091.045	1.167.547.045
	40.813.662.754	40.772.441.347

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 192/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2022, Tổng Công ty được đại hội đồng cổ đông phê duyệt chủ trương sẽ hoàn trả lại 02 dự án trên, đối với các chi phí đã bỏ ra, Tổng Công ty sẽ làm việc với UBND Thành phố Hà Nội và UBND Thành phố Hồ Chí Minh để đề nghị được hoàn trả lại.

NG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	157.757.167.428	223.229.733.624	340.412.383.567	8.532.394.340	7.663.562.530	737.595.241.489
- Mua trong kỳ	-	138.888.888	-	527.534.091	273.700.000	940.122.979
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	23.527.000.000	-	-	23.527.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(1.261.395.519)	(19.788.775.573)	(6.943.449.466)	(1.082.452.208)	(48.471.000)	(29.124.543.766)
- Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính	(8.551.118)	(86.977.941)	(9.863.308)	(7.338.046)	-	(112.730.413)
Số dư cuối kỳ	156.497.220.791	203.492.868.998	356.986.070.793	7.970.138.177	7.888.791.530	732.825.090.289
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	107.693.356.578	161.186.710.634	319.281.364.319	7.883.476.280	6.823.956.613	602.868.864.424
- Khấu hao trong kỳ	4.447.198.424	6.869.846.318	9.382.699.888	251.166.981	451.577.805	21.402.489.216
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	7.102.337.198	-	-	7.102.337.198
- Thanh lý, nhượng bán	(949.159.560)	(17.576.591.654)	(6.549.416.529)	(864.597.380)	(48.471.000)	(25.988.236.123)
- Ảnh hưởng do chuyển đổi báo cáo tài chính	(5.900.025)	(58.572.693)	(7.192.121)	(5.517.929)	-	(77.182.768)
Số dư cuối kỳ	111.185.495.417	150.421.392.605	329.209.792.555	7.264.527.952	7.227.063.418	605.308.271.947
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	50.063.810.850	62.043.022.990	21.131.019.248	648.918.060	839.605.917	134.726.377.065
Tại ngày cuối kỳ	45.301.725.374	53.071.476.393	27.776.278.238	705.610.225	661.728.112	127.516.818.342
Trong đó:						

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 52.562.187.440 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 381.145.982.828 đồng.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	23.522.000.000	3.477.052.728	26.999.052.728
- Thuê tài chính	-	3.519.650.908	3.519.650.908
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(23.522.000.000)	-	(23.522.000.000)
Số dư cuối kỳ	-	6.996.703.636	6.996.703.636
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	6.566.558.311	1.309.236.289	7.875.794.600
- Trích khấu hao	535.778.887	568.925.498	1.104.704.385
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(7.102.337.198)	-	(7.102.337.198)
Số dư cuối kỳ	-	1.878.161.787	1.878.161.787
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	16.955.441.689	2.167.816.439	19.123.258.128
Tại ngày cuối kỳ	-	5.118.541.849	5.118.541.849

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	16.253.857.047	2.116.238.184	18.370.095.231
Số dư cuối kỳ	16.253.857.047	2.116.238.184	18.370.095.231
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	2.116.238.184	2.116.238.184
Số dư cuối kỳ	-	2.116.238.184	2.116.238.184
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	16.253.857.047	-	16.253.857.047
Tại ngày cuối kỳ	16.253.857.047	-	16.253.857.047

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.116.238.184 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.656.177.835 VND.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:

Tại Công ty con - CTCP Lilama 7: Số 06 Hoàng Văn Thụ, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng với giá trị 395.845.835 VND; Địa điểm: Lô C1-9 đường 2 tháng 9, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng với giá trị 4.800.000.000 VND; Địa điểm: Tổ dân phố 10, thị trấn Tứ Hạ, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế. với giá trị 460.332.000 VND;

Tại Tổng Công ty: Quyền sử dụng đất tại số 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với giá trị 10.597.679.212 VND.

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là tổng giá trị đầu tư cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhằm cho thuê lâu dài. Bất động sản đầu tư có nguyên giá 57.127.963.520 VND, khấu hao lũy kế tính đến ngày 31/12/2022 là 39.397.316.294 VND, khấu hao trong kỳ là 2.305.156.152 VND, giá trị còn lại của tài sản là 17.730.647.226 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	309.121.777	123.345.097
Chi phí trả trước dự án Nhiệt điện Vân Phong I	49.553.293	176.227.910
Chi phí trả trước dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	8.959.713	36.681.815
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	984.632.166	191.913.604
	1.352.266.949	528.168.426
b) Dài hạn		
Chi phí trả trước dài hạn dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	-	8.254.754.812
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Vân Phong I	7.262.834.878	25.664.425.924
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.130.084.502	9.976.780.413
Chi phí thuê đất	7.719.574.494	8.031.476.490
Công cụ, vật tư trả trước cho các công trình, dự án khác	18.375.865.620	15.115.373.386
Chi phí trả trước dài hạn dự án Nhiệt điện Nhơn Trạch 3 & Nhơn Trạch 4	36.386.734.528	-
Chi phí trả trước dài hạn dự án Gia công, Chế tạo kết cấu thép và tổ hợp thiết bị điện phân (Dự án Nhà máy Hydrogen NEOM)	3.651.023.175	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.947.279.568	1.706.483.708
	79.473.396.765	68.749.294.733

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	431.000.735.587	431.000.735.587	381.632.509.940	381.632.509.940
Công ty Cổ phần Lilama 18	238.581.671.779	238.581.671.779	195.287.544.916	195.287.544.916
Công ty Cổ phần Lilama 10	131.332.077.316	131.332.077.316	119.340.407.549	119.340.407.549
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	22.509.759.143	22.509.759.143	41.398.936.695	41.398.936.695
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	15.789.703.182	15.789.703.182	141.800.000	141.800.000
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	22.787.524.167	22.787.524.167	25.463.820.780	25.463.820.780

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

Số 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	1.655.358.299.859	1.655.358.299.859	3.491.295.978.924	3.491.295.978.924
- Doosan Heavy Industries Việt Nam Co.,Ltd	135.740.996.273	135.740.996.273	1.877.305.117.153	1.877.305.117.153
- Babcock & Wilcox Beijing Co., Ltd	176.872.247.506	176.872.247.506	284.925.704.791	284.925.704.791
- Liên doanh Tập đoàn Toshiba và Tập đoàn Sojitz	202.124.528.961	202.124.528.961	195.533.697.067	195.533.697.067
- Viện nghiên cứu cơ khí (NARIME)	80.831.056.359	80.831.056.359	93.209.010.165	93.209.010.165
- Công ty CP Xây lắp đường ống Bể chứa Dầu khí	89.709.694.671	89.709.694.671	107.038.842.393	107.038.842.393
Phải trả các đối tượng khác	970.079.776.089	970.079.776.089	933.283.607.355	933.283.607.355
	<u>2.086.359.035.446</u>	<u>2.086.359.035.446</u>	<u>3.872.928.488.864</u>	<u>3.872.928.488.864</u>

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP	435.843.255.500	-
- Ban Quản lý Dự án điện (*)	-	-
- Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú 1	40.777.498.144	40.777.498.144
- Thầu chính cung cấp và lắp đặt Thiết bị phụ trợ HT đi kèm cho Nhà máy thuộc DA NĐ BOT Vân Phong 1	-	33.132.262.150
- Ban QLDA Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	16.072.639.158	31.604.484.770
- Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA (**)	209.573.986.178	-
- Các đối tượng khác	163.897.125.092	9.010.954.539
	<u>866.164.504.072</u>	<u>114.525.199.603</u>

(*) Khoản tạm ứng của Chủ đầu tư là Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP cho Tổng Công ty để thực hiện việc huy động nguồn lực và thiết kế theo hợp đồng Số 19/2022/NT34-08-PVP&SCT+LLM tháng 03 năm 2022 về thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

(**) Khoản tạm ứng của Nhà thầu chính là Thyssenkrupp Nucera AG&Co. KGaA cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng số 32017394 ngày 07 tháng 11 năm 2022 liên quan đến dự án gia công chế tạo và tổ hợp các thiết bị điện phân cho Nhà máy sản xuất Hydrogen xanh tại Ả Rập Xê-út ("Kingdom of Saudi Arabia").

IG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP

24, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	18.095.451.649	15.234.887.408	16.876.769.350	27.524.280.825	19.759.092.780	6.251.017.064
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	1.743.892.812	-	1.842.309.920	1.842.309.920	1.743.892.812	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.964.777.575	16.088.832.574	18.772.823.326	30.189.840.248	18.390.338.013	15.097.376.090
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.063.453.530	1.791.333.239	2.671.371.324	-	183.415.445
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	1.279.173.564	7.310.396.911	6.990.823.118	-	1.598.747.357
Các loại thuế khác	10.286.984	2.572.432.917	5.224.419.115	7.693.328.917	44.768	93.280.899
	27.814.409.020	36.238.779.993	51.818.051.861	76.911.954.352	39.893.368.373	23.223.836.855

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



20 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	80.870.126.346	65.802.241.849
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	108.832.877.647	108.832.877.647
- Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2	42.921.214.517	94.818.585.884
- Dự án Nhà máy phân đạm A/U Brunei	-	31.266.625.061
- Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 2	44.804.654.834	53.332.597.208
- Dự án Lọc hóa dầu Long Sơn	79.465.294.966	14.042.561.248
- Dự án Nhiệt điện Văn Phong 1	191.236.258.177	61.666.160.829
- Chi phí phải trả khác	91.173.545.333	89.135.012.011
	639.303.971.820	518.896.661.737
b) Chi phí phải trả dài hạn		
- Chi phí công trình Xi măng Bút Sơn	1.588.264.113	1.588.264.113
	1.588.264.113	1.588.264.113
c) Trong đó: Bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 10	103.137.022.255	7.911.855.822
- Công ty Cổ phần Lilama 18	38.521.388.644	39.574.916.001
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	7.937.324.462	9.304.452.235
- Công ty Cổ phần Lilama 45.3	-	4.263.328.885
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	1.916.088.883	4.925.483.578
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	39.342.330.163	45.258.668.592
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	6.562.714.228	3.120.457.168
- Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	1.108.699.517	1.241.381.703
	198.525.568.152	115.600.543.984

21 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê văn phòng	170.607.273	133.134.546
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất	681.111.460	638.611.460
	851.718.733	771.746.006
b) Dài hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện cho thuê đất KCN Bắc Vinh	14.992.019.851	15.630.631.311
	14.992.019.851	15.630.631.311

22 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	4.813.439.428	4.947.623.396
- Bảo hiểm xã hội	30.522.814.232	28.205.789.801
- Bảo hiểm y tế	913.616.109	1.237.958.731
- Bảo hiểm thất nghiệp	153.017.818	501.665.373
- Phải trả về cổ phần hoá	200.000.000	200.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.100.000	615.370.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	512.679.340	488.929.340
- Phải trả lãi vay	12.141.867.946	-
- Phải trả tạm ứng cho nhân viên	29.887.475.684	44.065.086.305
- Doosan Heavy industries & Construction Co.,Ltd	1.084.365.940	1.013.623.569
- Hamon Research-Cottrell GmbH (*)	146.396.403.500	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.245.520.815	16.673.196.188
	<u>260.995.300.812</u>	<u>97.949.242.703</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	885.246.839	842.586.839
	<u>885.246.839</u>	<u>842.586.839</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Lilama 18	191.216.979	545.167.047
- Công ty Cổ phần Lilama 10	34.435.674	180.143.964
- Công ty Cổ phần Lilama 69.3	3.510.720	3.510.720
- Công ty Cổ phần Lilama 69.1	21.379.488	23.115.456
- Công ty Cổ phần Lilama 45.1	23.009.415	43.903.860
- Công ty Cổ phần Lilama 45.4	57.018.632	57.018.632
	<u>330.570.908</u>	<u>852.859.679</u>

(*) Khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng ký kết với nhà thầu Hamon Research-Cottrell GmbH (Hamon) theo các gói thầu M05-FGD và M06-ESP với tổng số tiền 6.175.500 USD thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do chưa xác định được đầy đủ nghĩa vụ phải trả cũng như các chi phí có thể phát sinh liên quan đến Hamon, chủ đầu tư và các bên liên quan khác nên Tổng công ty chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2022 khoản tiền thu được từ bảo lãnh thực hiện hợp đồng nêu trên. Đồng thời, Tổng Công ty đang theo dõi sát sao tình hình thực hiện thủ tục phá sản, quyền và nghĩa vụ của người giám hộ của Hamon để có các phương án giải quyết phù hợp.

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	48.082.674.744	38.137.116.243
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	48.082.674.744	30.293.850.168
- Dự phòng chi phí hoàn nguyên	-	7.843.266.075
	<u>48.082.674.744</u>	<u>38.137.116.243</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	46.765.977.188	2.783.731.161
	<u>46.765.977.188</u>	<u>2.783.731.161</u>

CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCP

24, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	1.528.646.670.114	1.528.646.670.114	1.696.733.464.380	2.105.801.467.617	1.119.578.666.877	1.119.578.666.877
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	1.129.121.496.548	1.129.121.496.548	1.682.064.810.363	2.075.373.208.226	735.813.098.685	735.813.098.685
- Tại Công ty Cổ phần Lilama 7 ⁽²⁾	76.112.535.171	76.112.535.171	14.668.654.017	17.375.875.326	73.405.313.862	73.405.313.862
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ⁽³⁾	97.071.044.351	97.071.044.351	-	9.314.855.264	87.756.189.087	87.756.189.087
- Tại Công ty Cổ phần Lilama 5 ⁽⁴⁾	226.341.594.044	226.341.594.044	-	3.737.528.801	222.604.065.243	222.604.065.243
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.156.943.896	2.156.943.896	1.414.551.806	2.368.201.702	1.203.294.000	1.203.294.000
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	1.763.543.900	1.763.543.900	1.021.151.810	1.974.801.706	809.894.004	809.894.004
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ⁽²⁾	393.399.996	393.399.996	393.399.996	393.399.996	393.399.996	393.399.996
Tổng cộng	1.530.803.614.010	1.530.803.614.010	1.698.148.016.186	2.108.169.669.319	1.120.781.960.877	1.120.781.960.877
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
- Tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP ⁽¹⁾	1.873.348.700	1.873.348.700	3.420.000.000	1.974.801.706	3.318.546.994	3.318.546.994
- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Lilama ⁽²⁾	885.150.011	885.150.011	-	393.399.996	491.750.015	491.750.015
Tổng cộng	2.758.498.711	2.758.498.711	3.420.000.000	2.368.201.702	3.810.297.009	3.810.297.009
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.156.943.896)	(2.156.943.896)	(1.414.551.806)	(2.368.201.702)	(1.203.294.000)	(1.203.294.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	601.554.815	601.554.815			2.607.003.009	2.607.003.009

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay xem tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 đính kèm Báo cáo tài chính Hợp nhất này

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích có đồng không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	797.261.040.000	1.694.624.230	(32.374.321.082)	(6.110.062.292)	79.898.136.779	18.290.851	229.685.600.129	30.162.992.345	1.109.236.300.960
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	15.034.447.445	(34.441.711.700)	(19.407.264.255)
Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty - Công ty mẹ	-	-	-	-	6.589.770.000	-	(30.598.000.800)	561.151.898	(24.008.230.800)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	(3.415.315.352)	-	-	-	-	(2.854.163.454)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.223.581.218)	-	(2.223.581.218)
Số dư cuối kỳ trước	797.261.040.000	1.694.624.230	(32.374.321.082)	(9.525.377.644)	86.487.906.779	18.290.851	211.898.465.556	(3.717.567.457)	1.051.743.061.233
Số dư đầu kỳ này	797.261.040.000	1.694.624.230	(32.374.321.082)	(9.525.377.644)	86.487.906.779	18.290.851	211.898.465.556	(3.717.567.457)	1.051.743.061.233
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(25.247.311.907)	(29.016.760.619)	(54.264.072.526)
Phân phối lợi nhuận tại Tổng Công ty - công ty mẹ	-	-	-	-	1.656.010.000	-	(11.959.620.400)	-	(10.303.610.400)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con - Công ty TNHH LILAMA SOUTH EAST ASIA SND BHD	-	-	-	-	-	-	-	(252.028.594)	(252.028.594)
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	-	-	-	(1.244.297.097)	-	-	-	(12.568.448)	(1.256.865.545)
Bổ đắp lỗ lũy kế từ các quỹ tại Công ty con	-	(568.258.495)	-	-	(4.355.041.607)	-	4.923.300.102	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(5.018.885.565)	-	(5.018.885.565)
Số dư cuối kỳ này	797.261.040.000	1.126.365.735	(32.374.321.082)	(10.769.674.741)	83.788.875.172	18.290.851	174.565.947.786	(32.998.925.118)	980.617.598.603

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 21/NQ-DHĐCĐ ngày 29/06/2021, Tổng Công ty Lập máy Việt Nam - CTCP công bố việc phân phối lợi nhuận lợi nhuận sau thuế như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1.656.010.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	331.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 1% vốn điều lệ) (*)	7.972.610.400



TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Cổ đông nhà nước	97,88%	780.324.040.000	97,88%	780.324.040.000
Các cổ đông khác	2,12%	16.937.000.000	2,12%	16.937.000.000
	100%	797.261.040.000	100%	797.261.040.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	797.261.040.000	797.261.040.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	488.929.340	747.068.090
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	7.972.610.400	15.945.220.800
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	7.972.610.400	15.945.220.800
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	(7.948.860.400)	(16.203.359.550)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(7.948.860.400)	(16.203.359.550)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	512.679.340	488.929.340

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.726.104	79.726.104
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	79.726.104	79.726.104
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	83.788.875.172	86.487.906.779
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	18.290.851	18.290.851
	83.807.166.023	86.506.197.630

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh với thời hạn thuê 50 năm. Diện tích khu đất thuê là 6.505 m2. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại 124 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng để sử dụng với mục đích làm đường, sân vườn, công trình phụ trợ, diện tích tăng hầm nằm ngoài phần diện tích xây dựng công trình tòa nhà hỗn hợp cao tầng làm việc và nhà ở với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 23/03/2010. Diện tích khu đất thuê là 1.467,4 m2. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Vinh với thời hạn thuê đến hết ngày 18/12/2048. Diện tích khu đất thuê là 220.401,2 m2. Theo các hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất để làm bãi thi công, kho chứa tập kết thiết bị, vật tư, vật liệu công trình, văn phòng làm việc và nhà ở cho cán bộ nhân viên phục vụ cho thi công dự án. Thời hạn thuê đất theo thời gian thực hiện dự án và tiền thuê được căn cứ theo từng hợp đồng cụ thể;

- Công ty CP Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại số 179 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm trụ sở Công ty CP Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 14.867 m2. Theo các hợp đồng này, Công ty CP Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm;

- Công ty CP Lilama 5 ký các hợp đồng thuê đất tại khu phố số 6, phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm nhà máy chế tạo TB và KCT thuộc Công ty CP Lilama 5. Diện tích khu đất thuê là 26.435,9 m2, theo các hợp đồng này, Công ty CP Lilama 5 phải trả tiền thuê đất hàng năm;

- Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama ký các hợp đồng thuê đất tại số khu đất số 72E, đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để xây dựng trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất của Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama. Diện tích khu đất thuê là 29.873 m2, theo các hợp đồng này, Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama phải trả tiền thuê đất hàng năm (43 năm từ ngày 01/07/2003 đến 01/07/2046).

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	49.941.767,21	21.603.780,61
- Đồng Euro (EUR)	217.915,13	321,18
- Đô la Brunei (BND)	24.231,76	138.277,00

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.323.093.592	11.323.093.592

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây lắp	2.790.230.085.218	3.743.942.581.907
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.745.951.931	74.984.182.064
Doanh thu bán hàng hóa	5.110.194.000	7.215.004.048
Doanh thu bán hàng hóa bất động sản (*)	15.993.180.000	-
	2.892.079.411.149	3.826.141.768.019
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	75.025.287.127	41.402.204.742

(*) Trong năm, Tổng Công ty bán các hàng tồn kho là căn hộ chung cư thuộc dự án Khu đô thị NEW HORIZON CITY, số 87 đường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội cho các nhà đầu tư khác.

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	2.689.134.433.190	3.561.014.244.055
Giá vốn cung cấp dịch vụ	87.329.931.883	66.124.330.656
Giá vốn bán hàng hóa	12.388.162.620	7.197.559.809
Giá vốn bán hàng hóa bất động sản	12.997.882.416	-
	2.801.850.410.109	3.634.336.134.520
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	941.425.804.876	1.589.361.737.343
Tổng giá trị mua vào:	941.425.804.876	1.589.361.737.343

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	47.118.775.137	27.749.577.509
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.280.048.824	6.089.166.530
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	59.117.829.471	17.327.767.706
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	470.313	-
Lãi trả chậm	272.564.670	8.478.267.764
	116.789.688.415	59.644.779.509
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	18.603.593.031	18.540.062.621

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	90.718.559.111	119.162.531.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	13.517.458.994	20.476.592.271
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	20.925.333.260	181.012.993
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(3.047.743.987)	(1.911.354.299)
Dự phòng lãi cho vay khó đòi	12.001.260.531	12.613.715.121
Chi phí tài chính khác	128.655.441	98.765.793
	134.243.523.350	150.621.263.275

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	942.430.972	737.400.779
Chi phí nhân công	53.146.803.407	62.514.849.558
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.213.779.442	5.220.623.183
Thuế, phí, lệ phí	1.918.690.289	36.778.655
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)	(41.161.914.430)	14.331.952.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.115.792.256	14.021.891.459
Chi phí khác bằng tiền	8.205.161.843	9.574.242.549
	40.380.743.779	106.437.738.807

32 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5.317.761.004	18.761.469.717
Thu nhập khắc phục sự cố của nhà thầu phụ	747.536.027	1.395.896.124
Thu nhập từ công nợ không phải trả	-	488.526.137
Thu từ bán phế liệu	1.069.463.889	-
Thu nhập khác	327.549.840	843.855.619
	7.462.310.760	21.489.747.597
Trong đó: Thu nhập khác từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41)	44.000.000	

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	176.988.825	276.533.282
Các khoản bị phạt	9.046.728.279	205.523.293
Chi phí khấu hao tài sản cố định không tham gia sản xuất kinh doanh	4.289.382.000	4.289.382.000
Chi phí khác	988.145.531	1.997.033.161
	14.501.244.635	6.768.471.736

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	5.415.086.583	14.544.526.586
Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD	13.049.865.105	13.596.507.570
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy	307.871.638	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>18.772.823.326</u>	<u>28.141.034.156</u>

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(25.247.311.907)	15.034.447.445
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(25.247.311.907)	15.034.447.445
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	79.726.104	79.726.104
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(317)</u>	<u>189</u>

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.185.675.858	78.736.354.099
Chi phí nhân công	213.421.663.522	332.420.851.004
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.870.770.683	28.344.983.618
Chi phí dự phòng	(41.161.914.430)	14.331.952.624
Dự phòng bảo hành	53.927.804.528	28.632.467.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	223.696.511.439	254.893.328.627
Chi phí thuê thầu phụ	1.922.498.282.339	3.070.448.829.029
Chi phí khác bằng tiền	74.907.703.792	146.998.983.130
	<u>2.593.346.497.731</u>	<u>3.954.807.749.356</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Tổng Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư dài hạn	-	85.696.088.606	-	85.696.088.606
	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>	<u>-</u>	<u>85.696.088.606</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.600.575.993.302	-	-	2.600.575.993.302
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.182.279.510.922	8.826.300.000	-	1.191.105.810.922
	<u>3.782.855.504.224</u>	<u>8.826.300.000</u>	<u>-</u>	<u>3.791.681.804.224</u>

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.228.695.716.313	-	-	1.228.695.716.313
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.538.197.726.876	8.655.300.000	-	3.546.853.026.876
Các khoản cho vay	3.463.000.000	-	-	3.463.000.000
	<u>4.770.356.443.189</u>	<u>8.655.300.000</u>	<u>-</u>	<u>4.779.011.743.189</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	1.120.781.960.877	2.607.003.009	-	1.123.388.963.886
Phải trả người bán, phải trả khác	2.347.354.336.258	885.246.839	-	2.348.239.583.097
Chi phí phải trả	639.303.971.820	1.588.264.113	-	640.892.235.933
	<u>4.107.440.268.955</u>	<u>5.080.513.961</u>	<u>-</u>	<u>4.112.520.782.916</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	1.530.803.614.010	601.554.815	-	1.531.405.168.825
Phải trả người bán, phải trả khác	3.970.877.731.567	842.586.839	-	3.971.720.318.406
Chi phí phải trả	518.896.661.737	1.588.264.113	-	520.484.925.850
	<u>6.020.578.007.314</u>	<u>3.032.405.767</u>	<u>-</u>	<u>6.023.610.413.081</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

38 THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết số 198/NQ-HĐQT ngày 27/06/2022 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về phương án giảm vốn điều lệ của Công ty TNHH Lilama South East Asia SDN BHD (Lilama Sca) như sau:

- Mức giảm vốn điều lệ: giảm từ 3,8 triệu BND xuống 1,0 triệu BND;
- Thời gian giảm vốn: Sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 phê duyệt;
- Hình thức hoàn trả vốn: Thực hiện bằng chuyển khoản qua Ngân hàng bằng USD, theo tỷ lệ vốn của các cổ đông tại thời điểm góp vốn.

39 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Bán hàng hóa	Hoạt động xây lắp, dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	21.103.374.000	2.870.976.037.149	2.892.079.411.149
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.282.671.036)	94.511.672.076	90.229.001.040
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	940.122.979	940.122.979
Tài sản không phân bổ			6.203.590.855.317
Tổng tài sản	-	-	6.203.590.855.317
Nợ phải trả không phân bổ			5.223.247.749.154
Tổng nợ phải trả	-	-	5.223.247.749.154

Theo khu vực địa lý

	Việt Nam	Nước ngoài	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.784.596.018.085	107.483.393.064	2.892.079.411.149
Tài sản bộ phận	6.016.005.865.208	187.584.990.109	6.203.590.855.317
Tổng chi phí mua TSCĐ	940.122.979	-	940.122.979

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 45.4	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 10	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	Công ty liên kết

Và các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc - Chi tiết tại Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.025.287.127	41.402.204.742
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	9.690.584	302.457.856
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	115.790.654	186.937.509
Công ty Cổ phần Bất động sản Lilama	164.234.240	163.235.200
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	7.045.337	91.593.805
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.158.612.652	10.361.671.253
Công ty Cổ phần Lilama 18	18.690.250.077	18.728.825.683
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	16.968.108.529	6.272.749.861
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	35.911.555.054	5.294.733.575
Mua hàng hóa, dịch vụ	941.425.804.876	1.589.361.737.343
Công ty Cổ phần Lilama 10	231.547.512.774	363.490.853.668
Công ty Cổ phần Lilama 18	535.818.584.003	804.120.787.037
Công ty Cổ phần Lilama 69.3	13.277.580.461	37.037.050.715
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	132.121.455.927	343.317.494.571
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện	21.668.748.728	30.740.824.341
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	6.991.922.983	10.654.727.011
Cổ tức được chia	6.602.332.500	5.926.347.500
Công ty Cổ phần Lilama 10	3.560.400.000	3.560.400.000
Công ty Cổ phần Lilama 18	3.041.932.500	2.365.947.500
Lãi cho vay, lãi trả chậm	12.001.260.531	12.613.715.121
Công ty Cổ phần Lilama 45.1	9.615.640.205	10.228.094.795
Công ty Cổ phần Lilama 45.3	2.385.620.326	2.385.620.326
Thu nhập khác từ phạt sự cố các Nhà thầu phụ	44.000.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 10	15.000.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 18	15.000.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 69.1	14.000.000	-

TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCPSố 124, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị	Chức vụ		
Ông Bùi Đức Kiên	Chủ tịch HĐQT	516.000.000	516.000.000
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên HĐQT	(*)	(*)
Ông Trần Vũ Vương	Thành viên HĐQT	84.000.000	42.000.000

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc			
Ông Lê Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	564.000.000	564.000.000
Ông Trần Đình Đại	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm ngày 01/05/2022)	128.000.000	384.000.000
Ông Lê Quốc Ân	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	468.000.000	468.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	384.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	468.000.000	468.000.000
Ông Hoàng Minh Khôi	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25/07/2022)	330.640.000	262.645.000

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban Kiểm soát	360.000.000	360.000.000
Bà Lê Thị Thu Hồng	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Thương Huyền	Thành viên BKS	60.000.000	60.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

42 . SỔ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lại Việt Tân
Người lậpTô Phi Sơn
Kế toán trưởngLê Văn Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

G CÔNG TY LẬP MÃY VIỆT NAM - CTCP
4, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

LỤC 1: VAY NGẮN HẠN

STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Số giao dịch 1 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 02/2022/518/HDTĐHM ngày 21/03/2022	4.200.000.000.000	Được xác định theo tương Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 31/12/2022	122.805.742.484	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C đối với Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cũng như ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
2	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Số giao dịch 1 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/518/HDTĐHM ngày 07/01/2022	2.500.000.000.000	Được xác định theo tương Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 31/12/2022	414.723.853.929	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động SXKD của doanh nghiệp; không bao gồm việc cấp tín dụng cho Công trình Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cũng như ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
3	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2022/518/HDTĐ ngày 05/01/2022	200.000.000.000	Được xác định theo tương Hợp đồng tín dụng cụ thể	Đến ngày 31/12/2022	3.179.954.041	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cũng như ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
4	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 20/2022/HDTĐ/PHG ngày 25/04/2022	1.300.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí các công trình	Đến ngày 25/04/2023	195.103.548.231	Bổ sung vốn lưu động/ thanh toán chi phí thi công các công trình	Không có tài sản đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng - Hợp đồng tín dụng hạn mức 26.07/2021/HDTĐ ngày 26/7/2021	60.000.000.000	Lãi suất vay trong kỳ từ 8,02%/năm - 11,13%/năm	Được xác định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ	37.068.119.295	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0002.2110/09/BD ngày 21/10/2009 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (trụ sở) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 2.58698 do UBND TP.Đà Nẵng cấp ngày 22/11/2006, cùng với một số tài sản, máy móc thiết bị khác của Công ty.
2	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2000-LAV-2020/1397 ngày 13/11/2020 và phụ lục số 2.501/PLHDTĐ/2000-LAV-2020/1397	40.000.000.000	Lãi suất vay trong kỳ từ 8%/năm - 9,5%/năm	Được xác nhận cụ thể của mỗi lần giải ngân do hai bên thỏa thuận trên từng giấy nhận nợ	36.337.194.567	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay được bảo đảm bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số BA 406654, BA 406651, BA 406653, BA 406652 do UBND huyện Hương Trà cấp ngày 17/08/2020.
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	120.000.000.000	Lãi suất được quy định cụ thể tại Giấy nhận nợ	Được quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ	87.756.189.087	Thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp công trình	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ

51 (51) NG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỤC 1 : VAY NGÂN HÀNG

STT	Ngân hàng - Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022 (VND)	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng cho vay từng lần số 189/10307/2018-HĐCVTL/NHCT422-LILAMA ngày 6/7/2018	8.200.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 9 tháng Đã quá hạn thanh toán	5.553.523.200	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện HĐKT số 01/XL.3-L1.5 ngày 12/12/2017 - thi công xây dựng nhà máy nhiệt xi măng, nhà nén khí, dự án xi măng Bỉm Sơn.	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng tín dụng số 50201/2017-HĐTD/NHCT422-LONGPHU1 ngày 28/02/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	09 tháng Đã quá hạn thanh toán	8.253.852.129	Thanh toán chi phí dự án nhà máy nhiệt điện Long Phú 1	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn: Hợp đồng cho vay từng lần số 17881/509/2017-HĐCVTL/NHCT422-PHUTHO ngày 18/09/2017	40.000.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	Không vượt quá 9 tháng Đã quá hạn thanh toán	29.154.166.567	Thanh toán chi phí hợp lý thực hiện gói thầu xây lắp trạm biến áp 220kv Phú Thọ	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
4	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bỉm Sơn: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/29527/HĐTD ngày 28/12/2018	197.224.000.000	Khoản nợ gốc này đang bị quá hạn thanh toán và chịu lãi suất theo lãi phạt của ngân hàng	12 tháng Đã quá hạn thanh toán	179.637.523.347	Bổ sung vốn lưu động	Đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ
Tổng cộng					1.119.578.666.877		



Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP
24, đường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

PHỤ LỤC 2 : VAY DÀI HẠN

Tham chiếu	Ngân hàng - Số hợp đồng	Tài sản thuê	Thời hạn thuê (tháng)	Lãi suất vay (năm)	Đư nợ gốc vay dài hạn đến 31/12/2022	Nợ dài hạn đến hạn trả
Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (1)	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21718000077/HĐCTTC ngày 20/07/2018	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất từng lần thông báo của bên cho vay	109.804.800	109.804.800
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000309/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ Ngày Nhận Nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với Biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và Biên độ là 2,9%	654.504.906	142.801.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000308/HĐCTTC ngày 11/08/2022	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ Ngày Nhận Nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với Biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và Biên độ là 2,9%	1.277.118.644	278.644.068
	Công ty CTTC TNHH BIDV - SUMI TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21722000310/HĐCTTC ngày 11/08/2018	Xe ô tô	60 tháng	Lãi suất thuê cố định 7,9%/năm trong thời gian 12 tháng kể từ Ngày Nhận Nợ. Sau thời gian đó, Lãi suất thuê sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với Biên độ và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Trong đó, Lãi suất tham chiếu hiện tại là 5,6% và Biên độ là 2,9%	1.277.118.644	278.644.068
Công ty Cổ phần Cơ khí p máy Litama (3)	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Xe tải thùng có gắn cầu trục 1,5 tấn	60 tháng	Lãi suất điều chỉnh 6 tháng/ lần, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 4,5 tháng/ năm	491.750.015	393.399.996
Tổng cộng					3.810.297.009	1.203.294.000

